CHỦ ĐỀ 1 THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Thời gian thực hiện: 2 tiết

– Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.
– Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.
– Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.
– Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.
– Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về Liên hợp quốc.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: thông qua việc trình bày được bối cảnh lịch sử và quá trình thành lập của Liên hợp quốc; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc; vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế; thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân cũng như đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải thích về vai trò của Liên hợp quốc.

3. Về phẩm chất

– Có ý thức trân trọng vai trò của Liên hợp quốc đối với hoà bình, an ninh, phát triển của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
– Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử thế giới, kết nối quá khứ với hiện tại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Kế hoạch dạy học biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, bám sát các yêu cầu cần đạt của Chương trình.
– Bản đồ thế giới.
– Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, tư liệu về sự thành lập và phát triển của Liên hợp quốc (đã có trong SGK, có thể phóng to qua máy chiếu).

– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– – SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*

– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

– HS hình dung các nội dung sẽ tìm hiểu về tổ chức Liên hợp quốc.

– Tạo tâm thế, kích thích được sự hứng thú, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới của HS, định hướng nhiệm vụ cho HS trong bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, quan sát Hình 1, đọc thông tin trong phần Mở đầu và dựa vào hiểu biết của mình để lần lượt trả lời các câu hỏi:

– Tổ chức này được thành lập trong bối cảnh nào?

– Vì sao Liên hợp quốc trở thành tổ chức toàn cầu lớn nhất thế giới?

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào thông tin trong phần Mở đầu và hiểu biết của mình về Liên hợp quốc để trả lời các câu hỏi ở các mức độ khác nhau.

* Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Với mỗi câu hỏi, GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung thêm ý hiểu của mình.

* Bước 4. Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần trả lời của HS và dẫn dắt, gợi mở vào nội dung bài học mới: Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới. Từ khi thành lập đến nay, tổ chức này đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế; thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế; đảm bảo quyền con người và phát triển văn hoá, xã hội ở các quốc gia. *Vậy tổ chức này được thành lập trong bối cảnh nào? Nguyên tắc hoạt động như thế nào? Vai trò của tổ chức trong thực tiễn lịch sử ra sao?*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a) Mục tiêu

– Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.

– Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử hình thành Liên hợp quốc

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ:

Nêu bối cảnh lịch sử hình thành Liên hợp quốc.

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong mục và mục Em có biết để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày phần trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4. Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt kiến thức về bối cảnh lịch sử hình thành Liên hợp quốc: Thế giới bước vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai: những chuyển biến quan trọng trên các chiến trường chính, thắng lợi của phe Đồng minh chỉ còn là vấn đề thời gian. Khi Chiến tranh diễn ra càng khốc liệt thì ý tưởng về một tổ chức quốc tế thực sự có vai trò trong việc duy trì hoà bình thế giới càng rõ nét.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về quá trình hình thành Liên hợp quốc

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS thảo luận nhóm, chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu quá trình thành lập Liên hợp quốc.*

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS khai thác thông tin, hình ảnh và thông tin mở rộng trong mục để thảo luận và thống nhất nội dung trình bày.

* Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả làm việc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4. Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của nhóm HS và chốt kiến thức về quá trình hình thành Liên hợp quốc: Một số sự kiện chính dẫn đến sự thành lập Liên hợp quốc được quyết định tại các hội nghị quan trọng diễn ra vào các năm: 1942, 1943, 1945,…).

– Ngày 1 – 1 – 1942, tại Oa-sinh-tơn (Mỹ), đại diện 26 nước chống phát xít, trong đó có Liên Xô, Mỹ, Anh đã kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc. Bản tuyên bố này đánh dấu sự hình thành Mặt trận Đồng minh chống phát xít trên phạm vi toàn thế giới.

– Từ năm 1943, các nước đã thoả thuận được một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc, Đại hội đồng, thành viên thường trực Hội đồng Bảo an,…

– Cuối năm 1943: Hội nghị các ngoại trưởng Liên Xô, Mỹ, Anh đã họp ở Mát-xcơ-va, chuẩn bị những điều kiện cho cuộc gặp gỡ ở Tê-hê-ran. Sau đó, Hội nghị Tê-hê-ran diễn ra, ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.

– Tháng 2 – 1945: Hội nghị tổ chức ở I-an-ta đã quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc. Từ ngày 25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945, một Hội nghị được tổ chức ở Xan Phran-xi-xcô với sự tham gia của đại diện 50 nước, thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

– Ngày 24 – 10 – 1945, sau khi được Quốc hội các nước phê chuẩn, Hiến chương bắt đầu có hiệu lực và ngày này được coi là ngày Liên hợp quốc chính thức thành lập.

Mục b. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, khai thác thông tin và các tư liệu trong mục để thực hiện yêu cầu: *Trình bày mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.*

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân: đọc thông tin trong mục và tư liệu, tìm ra những từ khoá, cụm từ thể hiện mục tiêu của Liên hợp quốc: *duy trì hoà bình, an ninh quốc tế; thúc đẩy quan hệ hữu nghị; thúc đẩy hợp tác; là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế,…*

– Sau đó, cặp đôi thảo luận, thống nhất về mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

* Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 đại diện cặp đôi trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4. Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại các nội dung cơ bản về mục tiêu, nguyên tắc hoạt động:

– Mục tiêu của Liên hợp quốc: (1). Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế; (2). Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới; (3). Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyếtcác vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, đảm bảo quyền con người và quyền tự do cơ bản chomọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, ngôn ngữ; (4). Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì những mục tiêu trên. Trong đó, mục tiêu duy trì hoà bình và an ninh quốc tế được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác.

– Nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc: Theo Điều 2 của Hiến chương Liên hợp quốc:

+ Bình đẳng về chủ quyền quốc gia;

+ Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia;

+ Từ bỏ đe doạ bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế;

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước;

+ Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế;

+ Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

* Bước 5: Mở rộng

GV cho HS liên hệ thêm về những hoạt động của Việt Nam nhằm tham gia gìn giữ hoà bình thế giới với cương vị là một thành viên của Liên hợp quốc.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của Liên hợp quốc

a) Mục tiêu

– Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.

– Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.

– Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia cả lớp thành 6 nhóm, khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục để tìm hiểu về vai trò của Liên hợp quốc:

– Nhóm 1, 2: *Tìm hiểu về vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.*

– Nhóm 3, 4: *Tìm hiểu về vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân.*

– Nhóm 5, 6: *Tìm hiểu về vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.*

* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS làm việc cá nhân đọc thông tin trong mục, quan sát hình ảnh, khai thác tư liệu và ghi ra giấy những nội dung chính về vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực mà nhóm mình được giao nhiệm vụ.

– Sau đó, thảo luận, thống nhất với các bạn trong nhóm, thống nhất cách trình bày.

* Bước 3. Báo cáo, thảo luận

– GV gọi đại diện 3 nhóm HS (mỗi nhóm trình bày một vai trò) để trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4. Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt lại các nội dung cơ bản về vai trò của Liên hợp

quốc:

– Duy trì hoà bình, an ninh quốc tế: góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay; triển khai hoạt động gìn giữ hoà bình ở nhiều khu vực trên thế giới; soạn thảo và xây dựng hệ thống công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang; thúc đẩy quá trình giành độc lập dân tộc, góp phần gia tăng số lượng thành viên Liên hợp quốc.

– Thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân: phát triển và hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế; thực hiện nhiều dự án, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao đời sống của người dân và hỗ trợ cho công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt là ở các nước đang phát triển; góp phần hỗ trợ cho công tác xoá đói, giảm nghèo, chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh,… ở nhiều khu vực trên thế giới.

– Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội: nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của con người, tạo cơ hội phát triển cho tất cả mọi người; thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hoá, xã hội.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

HS củng cố, hệ thống lại được bối cảnh ra đời, quá trình hình thành, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc, từ đó rèn luyện được năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. Lập bảng tóm tắt bối cảnh thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS làm việc cá nhân trên lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng tóm tắt bối cảnh thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hệ thống hoá lại thông tin trong SGK cũng như nội dung bài học để hoàn thành bảng tóm tắt.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về bảng tóm tắt bằng bảng kiểm sau: BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG TÓM TẮT

STT	**Nội dung**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ các đề mục về bối cảnh thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về bối cảnh thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

Câu 2. Lập sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về vai trò của Liên hợp quốc trên các lĩnh vực.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về vai trò của Liên hợp quốc trên các lĩnh vực.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ trên lớp, dựa vào những kiến thức đã học trong bài để lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng riêng của mình.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả làm việc trước lớp. Các HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu
– HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải thích vì sao góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay là đóng góp quan trọng nhất của Liên hợp quốc. Từ đó, góp phần phát triển năng lực nhận thức, tư duy lịch sử cho HS.
– HS sưu tầm được tư liệu từ các nguồn để viết bài giới thiệu, chia sẻ với bạn về những đóng góp, hỗ trợ của Liên hợp quốc đối với Việt Nam. Thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, phát triển năng lực tự học, tự tìm hiểu lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức vào việc lí giải một vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.
b) Tổ chức thực hiện
Câu 1. Có ý kiến cho rằng: Vai trò quan trọng nhất của Liên hợp quốc là góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để bày tỏ quan điểm của mình về nhận định: *Vai trò quan trọng nhất của Liên hợp quốc là góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
– HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà, dựa vào kiến thức đã học và tư liệu sưu tầm từ sách, báo, internet để đưa ra quan điểm cùng những lập luận để chứng minh cho quan điểm của mình.
– HS có thể trình bày bằng bài viết có kèm hình ảnh minh hoạ.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ báo cáo kết quả làm việc trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt kiến thức cho HS.
– Lưu ý: Câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.
Gợi ý: Đóng góp trong lĩnh vực duy trì hoà bình, an ninh quốc tế để ngăn ngừa chiến tranh thế giới là đóng góp quan trọng nhất của Liên hợp quốc, nhờ đó các quốc gia, dân tộc có được môi trường hoà bình để ổn định và phát triển. Biểu hiện:
+ Liên hợp quốc góp phần ngăn chặn không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới, hỗ trợ giải quyết nhiều cuộc xung đột và tranh chấp quốc tế mà minh chứng rõ nét là Liên hợp quốc đã triển khai nhiều phái bộ gìn giữ hoà bình để giúp chấm dứt xung đột, khôi phục hoà bình, hỗ trợ công cuộc tái thiết ở nhiều quốc gia thành viên. Với những hoạt động kể trên, lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc đã được trao tặng Giải thưởng Hoà bình Nô-ben vào năm 1988, sau đó Liên hợp quốc và Tổng Thư kí Kô-phi An-nan được tặng giải thưởng này vào năm 2001.

+ Liên hợp quốc đã soạn thảo và xây dựng được một hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, trong đó có Hiệp ước Cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (1968), Công ước Cấm vũ khí hoá học (1993) và Công ước Cấm vũ khí sinh học (1972), Công ước Cấm vũ khí hạt nhân (2017),… tạo ra khuôn khổ pháp lí cho việc ngăn chặn phổ biến, tiến tới xoá bỏ hoàn toàn các loại vũ khí này.

Câu 2. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo và internet và chia sẻ với bạn về những đóng góp, hỗ trợ của Liên hợp quốc đối với Việt Nam.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu thông tin từ sách, báo và internet và chia sẻ với bạn về những đóng góp, hỗ trợ của Liên hợp quốc đối với Việt Nam.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau:

– Từng HS dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để tìm ra những đóng góp, hỗ trợ của Liên hợp quốc đối với Việt Nam.

– Cặp đôi HS chia sẻ với nhau về những chia sẻ, đóng góp mà mình tìm hiểu được, sau đó thống nhất kết quả làm việc.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Cặp đôi HS sẽ báo cáo kết quả làm việc trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS và gợi ý một số nội dung cơ bản.

Gợi ý:

– Liên hợp quốc có vai trò rất đặc biệt đối với Việt Nam. Sau khi Việt Nam gia nhập chính thức, Liên hợp quốc đã hỗ trợ về nhân đạo và tài chính rất lớn, đặc biệt là việc khắc phục hậu quả chiến tranh, vấn đề về nghèo đói, y tế, thực phẩm, nhất là với trẻ em và nhi đồng,…

– Các chương trình và tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc như Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) đóng góp rất cần thiết và quan trọng.

– Liên hợp quốc là cầu nối để Việt Nam tiếp cận các viện trợ nhân đạo của các nước khác. Chương trình phát triển Liên hợp quốc và Ngân hàng Thế giới đã hỗ trợ Việt Nam thông qua Hội nghị các nước tài trợ, giúp Việt Nam gắn kết với các nước tài trợ, từ đó huy động các nguồn vốn tối đa cho Việt Nam. Nhờ đó, kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ phát triển nhanh.

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Phân tích được tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu về quá trình hình thành và tồn tại Trật tự thế giới I-an-ta trong thời kì Chiến tranh lạnh.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được quá trình hình thành và tồn tại Trật tự thế giới I-an-ta trong thời kì Chiến tranh lạnh; nêu được nguyên nhân và phân tích được tác động sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học để giải thích các vấn đề về Trật tự thế giới I-an-ta.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử thế giới, kết nối quá khứ với hiện tại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Bản đồ thế giới trong thời kì Chiến tranh lạnh.

– Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, các tư liệu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta (đã có trong SGK hoặc sưu tầm thêm, có thể phóng to qua máy chiếu).

– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

– Tạo sự lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh, đồng thời, giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Chia sẻ điều em biết về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Căn cứ vào câu trả lời của HS, GV chon ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Mục tiêu

Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu:

Trình bày quá trình hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong SGK, tìm hiểu nội dung để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại một số ý chính về quá trình hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

Hội nghị I-an-ta diễn ra từ ngày 4 đến ngày 11 – 2 – 1945, đã đưa ra những quyết định về việc kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc phát xít Đức, quân phiệt Nhật Bản và thoả thuận về việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau chiến tranh. Hội nghị diễn ra gay go, quyết liệt vì thực chất nội dung hội nghị là sự tranh giành và phân chia thành quả thắng lợi của chiến tranh giữa các lực lượng tham chiến, có liên quan mật thiết tới hoà bình, an ninh và trật tự thế giới sau này, mà trước hết là lợi ích riêng của các nước tham chiến.

Mục b. Quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ:

Hoàn thành Phiếu học tập tìm hiểu về quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Giai đoạn	Đặc điểm	Sự kiện tiêu biểu
Từ năm 1945 đến những năm 70 (thế kỉ XX)		
Từ đầu những năm 70 (thế kỉ XX) đến năm 1991		

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, liệt kê những đặc điểm và sự kiện tiêu biểu trong các giai đoạn tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất nội dung trình bày trong Phiếu học tập.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS lên bảng trình bày Phiếu học tập và thuyết trình kết quả làm việc của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe và có thể bổ sung ý kiến.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, chốt lại các nội dung chính về quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

– Gợi ý:

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Giai đoạn	Đặc điểm	Sự kiện tiêu biểu

Từ năm 1945 đến những năm 70 (thế kỉ XX)	Giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.	Mỹ và các nước phương Tây thành lập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây (NATO) năm 1949 trong khi Liên Xô và các nước Đồng Min thành lập tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955).
Từ đầu những năm 70 (thế kỉ XX) đến năm 1991	Giai đoạn suy yếu và đi đến sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.	– Từ đầu những năm 70 (thế kỉ XX): Liên Xô và Mỹ tiến hành cuộc gặp gỡ cấp cao (1972) và kí kết nhiều văn kiện quan trọng về hạn chế vũ khí chiến lược. – Từ nửa sau những năm 80 (thế kỉ XX): Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, hợp tác. – Năm 1989: Liên Xô và Mỹ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạn. – Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu (vào cuối những năm 80 của thế kỉ XX) và sự tan rã của Liên Xô (1991) đã chấm dứt sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Mục tiêu

– Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Phân tích được tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Nguyên nhân sụp đổ

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn, thảo luận để trả lời câu hỏi:

+ Những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

+ Theo em, nguyên nhân nào là quan trọng nhất dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, liệt kê những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Sau đó, HS làm việc nhóm để thống nhất ý kiến về những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, thảo luận và lựa chọn nguyên nhân quan trọng nhất.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trả lời các câu hỏi. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự hai cực I-an-ta:

– *Thứ nhất*, sự đối đầu căng thẳng đã khiến cho cả hai cực Xô – Mỹ đều bị tốn kém về tài chính, suy giảm thế mạnh kinh tế, phải hạn chế cuộc chạy đua vũ trang để ổn định và củng cố vị thế của mình.

– *Thứ hai*, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, cùng với những thay đổi trong quan hệ Xô –

Mỹ là những chuyển biến theo hướng hoà dịu trong quan hệ giữa Đông Âu và Tây Âu.
Dẫn chứng: Quan hệ giữa Đông Âu và Tây Âu chuyển biến theo hướng hoà dịu: Năm 1975, 33 nước châu Âu có thể chế chính trị khác nhau (bao gồm cả Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu), cùng Mỹ và Ca-na-đa kí kết Định ước An ninh và Hợp tác châu Âu tại Hen-xinh-ki (Phần Lan), xác nhận quyền bình đẳng của các quốc gia, việc giải quyết hoà bình các xung đột, sự hợp tác trên cơ sở nhu cầu chính đáng của các dân tộc…".
– *Thứ ba*, sự vươn lên nhanh chóng của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực, đặc biệt, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập đã làm thay đổi khuôn khổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
Dẫn chứng: Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập đã làm thay đổi khuôn khổ của Trật tự hai cực I-an-ta. Đặc biệt, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam năm 1975 đã góp phần phá vỡ thực trạng của Trật tự hai cực I-an-ta ở khu vực Đông Nam Á.
– *Thứ tư*, sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới với sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu đã tạo ra những trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mỹ, sự suy giảm sức mạnh kinh tế của Liên Xô.
Dẫn chứng: Sự nổi lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu đã tạo ra những trung tâm kinh tế đối trọng với Mỹ. Trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, việc xuất hiện diễn đàn của các nền kinh tế lớn như Nhóm G7, cho thấy Mỹ không còn là nước duy nhất đóng vai trò quyết định, chi phối các nước phương Tây.
– *Thứ năm*, cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự tan rã của Liên Xô – quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Mục b. Tác động

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi hoặc nhóm, thực hiện nhiệm vụ: *Đọc thông tin, tư liệu và khai thác hình ảnh, phân tích tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và đoạn tư liệu, thảo luận với bạn để thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
– GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi hoặc nhóm trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các cặp đôi hoặc nhóm, chốt lại các nội dung chính về tác động của sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta:
– *Thứ nhất*, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã mở ra một thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế, thúc đẩy những xu hướng phát triển mới, đảm bảo lợi ích của các quốc gia, các dân tộc trong quan hệ quốc tế.
– *Thứ hai*, sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ. Tuy nhiên, vai trò của các cường quốc khác, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế, khu vực,… ngày càng gia tăng, trong khi sức mạnh của Mỹ cũng suy giảm tương đối.
– *Thứ ba*, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta dẫn đến sự hình thành một trật tự

thế giới mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử; giúp HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã lĩnh hội ở bài học, đồng thời phát triển kĩ năng khái quát hoá các tri thức đã học trong một bảng tóm tắt hoặc sơ đồ tư duy.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. Hãy tóm tắt những nét chính về quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Tóm tắt những nét chính về quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.*

– GV khuyến khích HS sử dụng kiến thức đã học xây dựng để lập bảng tóm tắt (hoặc sơ đồ tư duy) làm rõ nội dung yêu cầu. GV khuyến khích HS có cách trình bày sáng tạo, hợp lí.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài đã được học để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS báo cáo trình bày bảng tóm tắt (hoặc sơ đồ tư duy) và thuyết trình sản phẩm đó trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

Câu 2. *Lập sơ đồ tư duy (theo ý tưởng của em) về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Lập sơ đồ tư duy (theo ý tưởng của em) về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.*

* Bước 2; Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ này ở nhà, hệ thống lại kiến thức đã học để hoàn thành sơ đồ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	*Nội dung*	- Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		- Bố cục mạch lạc, lô-gic	2
2	*Hình thức*	- Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		- Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Gợi ý: Sơ đồ tư duy phải thể hiện được 5 nguyên nhân và 3 tác động chủ yếu của sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đưa ra quan điểm của mình nhằm giải thích những mặt tiêu cực của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Những mặt tiêu cực chính là nguyên nhân giải thích vì sao Trật tự đó không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. Từ đó, góp phần phát triển năng lực nhận thức, tư duy lịch sử và vận dụng kiến thức đã được hình thành để giải thích một vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc cá nhân, sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet và vận dụng những kiến thức đã học, hãy giải thích vì sao sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để trả lời câu hỏi vận dụng.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của HS chuẩn hoá lại kiến thức.

Gợi ý: Hai nước Xô – Mỹ đứng đầu mỗi cực chi phối hầu hết các lĩnh vực của đời sống quốc tế. Các nước phải lựa chọn con đường phát triển theo sự định hình ý thức hệ. Tình trạng đối đầu giữa hai cực trên cơ sở ý thức hệ đã cản trở sự phát triển của thế giới và không phù hợp với xu hướng phát triển thành một "thế giới phẳng" của cộng đồng quốc tế.

BÀI 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

– Trình bày được khái niệm đa cực.

– Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

2. Về năng lực

– Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS.

– Năng lực đặc thù môn lịch sử:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử, biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh, trình bày được khái niệm đa cực và xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học: vận dụng những hiểu biết về thế giới để giải thích các vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá những vấn đề về quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, các tư liệu về Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (có thể phóng to qua máy chiếu).

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh, đồng thời, giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc phần Mở đầu và quan sát Hình 1 để trả lời các câu hỏi:

– Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra những xu hướng phát triển nào?

– Vì sao xu hướng đa cực trở thành xu hướng chính trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ, quan sát Hình 1 và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi (có thể trả lời được một vài ý hoặc không trả lời được).

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trả lời trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

a) Mục tiêu

– HS biết khai thác tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh, góp phần phát triển năng lực nhận diện và sử dụng tư liệu lịch sử.

– HS nêu được các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

– HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn cuộc sống, vận dụng hiểu biết về các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề có liên quan đến quan hệ quốc tế hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, liệt kê những xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn trong nhóm để thống nhất nội dung và cách trình bày.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần trình bày và câu trả lời của nhóm HS, chốt lại các nội dung chính: Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra một thời kì mới trong sự phát triển của thế giới với những xu thế chính: xu thế phát triển lấy kinh tế là trọng tâm, xu thế toàn cầu hoá, xu thế đối thoại, hợp tác và xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế.
– Xu thế phát triển lấy kinh tế là trọng tâm: Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều tập trung vào ưu tiên phát triển kinh tế, tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc gia, đồng thời nâng cao đời sống người dân.
– Xu thế toàn cầu hoá: Sự kết thúc Chiến tranh lạnh và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học – công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hoá.
+ Toàn cầu hoá là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu. Về kinh tế, toàn cầu hoá là quá trình kết nối các nền kinh tế trên khắp thế giới về thương mại, đầu tư, tài chính, dịch vụ, phân công lao động,…
+ Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế là đòi hỏi khách quan, đồng thời cũng là nhu cầu nội tại trong tiến trình phát triển kinh tế của các quốc gia. Quá trình toàn cầu hoá bị suy giảm do tác động của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và cuộc Chiến tranh lạnh. Sau Chiến tranh lạnh, xu thế toàn cầu hoá phát triển mạnh mẽ từ đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Sự phụ thuộc lẫn nhau để cùng phát triển trong nền kinh tế toàn cầu đã thúc đẩy xu thế cùng hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc trên phạm vi toàn cầu.
+ Xu thế toàn cầu hoá đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác, thay cho xu thế đối đầu giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau trong quan hệ quốc tế. Xu thế đối thoại, hợp tác dựa trên cơ sở hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, cùng tồn tại trong hoà bình đang ngày càng trở thành xu thế chủ yếu trong các mối quan hệ quốc tế
– Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế: Nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế, đặc biệt là xu thế toàn cầu hoá đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác, thay cho xu thế đối đầu giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau trong quan hệ quốc tế.
+ Biểu hiện của xu thế này là quan hệ giữa các nước được điều chỉnh theo chiều hướng tăng cường đối thoại, giải quyết bất đồng bằng thương lượng hoà bình, phù hợp với lợi ích quốc gia của mỗi nước.
+ Tuy nhiên, cần lưu ý: Mặc dù hoà bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi rõ rệt, nhưng ở một số khu vực trên thế giới vẫn xảy ra xung đột quân sự, nội chiến,... Đó là các mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ,... Phần lớn những mâu thuẫn, tranh chấp này đều có căn nguyên từ lịch sử, do vậy việc giải quyết đòi hỏi phải có quá trình và sự hợp tác của các bên liên quan.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a) Mục tiêu
– Trình bày được khái niệm đa cực.
– Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.
b) Tổ chức thực hiện
Mục a. Khái niệm đa cực
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong mục và thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày khái niệm đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt lại các nội dung chính về khái niệm đa cực: là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.
* Bước 5: Mở rộng
GV mở rộng, so sánh với khái niệm đơn cực để HS nhận thức sâu hơn về khái niệm đa cực: Khác với trật tự đa cực, trật tự đơn cực là trật tự thế giới mà trong đó chỉ một quốc gia, một trung tâm quyền lực có vai trò quyết định, chi phối các mối quan hệ quốc tế cũng như các vấn đề an ninh thế giới. Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay, trật tự đơn cực không thể tồn tại vì không có một quốc gia nào có đủ tiềm lực chính trị, quân sự, kinh tế,… để chi phối thế giới.

Mục b. Xu thế đa cực

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những nét chính về xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin, tư liệu và hình ảnh trong mục, thảo luận với bạn để thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi để trả lời các câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét câu trả lời của các cặp đôi, chốt lại các nội dung chính về xu thế đa cực.
– Xu thế đa cực là xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.
– Biểu hiện của xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế:
+ Sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại,...của các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU),... Cụ thể: Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của Ấn Độ với mức tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Nhật Bản và một số nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định tiềm lực kinh tế và vị thế của mình.
+ Sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác. Cụ thể: Năm 2000, GDP của Mỹ gấp 12 lần của Trung Quốc, nhưng đến năm 2012 chỉ còn gấp khoảng 1,9 lần. Xu hướng này đang làm thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước lớn và trật tự thế giới.
+ Vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực. Cụ thể:
Sau Chiến tranh lạnh, các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, liên khu vực có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới, tiêu biểu là : G20, bao gồm đại diện của 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới, Nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi hàng đầu thế giới (BRICS), gồm Bra-xin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi; Hợp tác Á – Âu (ASEM),…
Vai trò của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế

(WTO, WB, IMF,...) ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, hoạt động của các công ty xuyên quốc gia có ảnh hưởng ngày càng lớn trong tất cả các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế thế giới.

* Bước 5: Mở rộng

GV mở rộng: Trong xu thế đa cực, Mỹ và Trung Quốc là hai cực mạnh nhất, có tầm ảnh hưởng lớn, nhưng không thể dẫn dắt hay chi phối các vấn đề quốc tế. Các nước lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị khác có khả năng để khẳng định vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã lĩnh hội ở bài học, đồng thời phát triển kĩ năng khái quát hoá các tri thức đã học trong một bảng tóm tắt hoặc sơ đồ tư duy.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng tóm tắt những xu thế chính trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS sử dụng kiến thức đã học để lập bảng tóm tắt các xu thế chính như: xu thế phát triển lấy kinh tế là trọng tâm, xu thế toàn cầu hoá, xu thế đối thoại, hợp tác.

– HS có thể xây dựng bảng tóm tắt theo các hình thức khác nhau.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp bảng tóm tắt của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung chính trong SGK.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để làm rõ xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra trong quan hệ quốc tế; từ đó, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cũng như năng lực vận dụng kiến thức để giải thích một vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: Sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo, internet, hãy chứng minh nhận định sau*: "Hiện nay, cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn". Theo em, xu thế đó mang lại những cơ hội nào cho Việt Nam trong công cuộc phát triển đất nước?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa kiến thức đã học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để trả lời câu hỏi vận dụng.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.

– Lưu ý: câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.

Gợi ý:

+ Với yêu cầu chứng minh nhận định, HS nêu được những ý sau: Sự vươn lên mạnh mẽ của

các nước lớn như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản,...; sự phát triển của quá trình hợp tác, liên kết trong bối cảnh toàn cầu hoá đã hình thành nhiều trung tâm, nhiều tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế mới có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới, tiêu biểu là: Nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20); Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM) gồm các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc..., hiện nay ASEM có 53 nước thành viên. Đồng thời, quá trình này diễn ra ngày càng nhanh hơn dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình toàn cầu hoá.

+ Với yêu cầu liên hệ với thực tế Việt Nam, cần nêu được: Xu thế đa cực, đa trung tâm tạo ra cơ hội để Việt Nam hội nhập sâu rộng và hợp tác kinh tế với các nước, các trung tâm trên thế giới. Việt Nam đã tham gia ASEAN, WTO,... và là thành viên tích cực trong nhiều tổ chức quốc tế khác.

CHỦ ĐỀ ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.
– Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.
– Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu về ASEAN.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN; quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10; nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu vực, kết nối quá khứ với hiện tại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Bản đồ Đông Nam Á ngày nay.
– Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, các tư liệu về sự hình thành và phát triển của ASEAN (có thể phóng to qua máy chiếu).
– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về sự ra đời và phát triển của ASEAN, đồng thời, giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát Hình 1 để thực hiện các yêu cầu:

– Vì sao ASEAN được đánh giá như một "điều kì diệu"?

– Hãy chia sẻ những điều em biết về sự hình thành và phát triển của ASEAN trong hơn 50 năm qua.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi (có thể trả lời được một vài ý hoặc không trả lời được).

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về quá trình hình thành và mục đích thành lập tổ chức ASEAN

a) Mục tiêu

Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Quá trình hình thành tổ chức ASEAN

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin và hình ảnh trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày quá trình hình thành tổ chức ASEAN.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp để thực hiện yêu cầu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung, hoàn thiện câu trả lời.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trả lời của HS, chốt lại kiến thức chính:

– Bối cảnh: ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến quan trọng:

+ *Trên thế giới*: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xu hướng khu vực hoá bắt đầu xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến. Nhiều tổ chức khu vực được hình thành ở các châu lục và đã đạt được những thành công trong hợp tác khu vực như: Tổ chức các nước Trung Mỹ (OCAS, 1951), Khối thị trường chung châu Âu (EEC, 1957), Tổ chức Thống nhất châu Phi (OAU, 1963),... Những tổ chức đó là nguồn cổ vũ lớn đối với các nước Đông Nam Á.

+ *Trong khu vực*: Các nước có nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời tạo ra sức mạnh tập thể trong việc ứng phó với sự tranh giành ảnh hưởng giữa các

nước lớn đối với khu vực trong bối cảnh Chiến tranh lạnh. Đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực được thành lập nhưng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, do những bất đồng trong quan hệ song phương giữa một số nước thành viên.
– Các nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ về sự cần thiết của việc hợp tác khu vực. Ngày 8 – 8 – 1967, Ngoại trưởng năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan đã thông qua Tuyên bố ASEAN (còn gọi là Tuyên bố Băng Cốc), chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Mục b. Mục đích thành lập ASEAN

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin và tư liệu trong mục, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày mục đích thành lập ASEAN.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin và đoạn tư liệu, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, thảo luận với bạn để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 đại diện cặp đôi trả lời trước lớp. Các HS khác bổ sung, hoàn thiện câu trả lời.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của các cặp đôi, chốt lại các kiến thức chính: ASEAN được thành lập nhằm mục đích chính là tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội, tạo điều kiện cho các nước thành viên phát triển và hội nhập với khu vực, thế giới; phấn đấu để Đông Nam Á trở thành khu vực hoà bình, tự do, thịnh vượng và ASEAN trở thành tổ chức bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về hành trình phát triển của ASEAN

a) Mục tiêu

– Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.
– Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Mục a. Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Trình bày quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt lại các kiến thức chính: Để phát triển từ 5 lên 10 thành viên, ASEAN đã phải trải qua hành trình hơn 30 năm (1967 – 1999), trong đó có các mốc quan trọng như:

– Năm 1967: gồm 5 thành viên (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin).
– Năm 1984: gồm 6 thành viên, kết nạp thêm Bru-nây.
– Năm 1995: gồm 7 thành viên, kết nạp thêm Việt Nam.
– Năm 1997: gồm 9 thành viên, kết nạp thêm Lào và Mi-an-ma.
– Năm 1999: gồm 10 thành viên, kết nạp thêm Cam-pu-chia.

Quá trình mở rộng ASEAN có sự tham gia của 10 quốc gia với sự đa dạng về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá phù hợp với mong muốn, lợi ích của mỗi thành viên, cũng như đảm bảo

cho nền hoà bình, ổn định của cả khu vực. ASEAN 10 sẽ tạo cơ sở cho các hoạt động của ASEAN sau này, đồng thời nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế.
* Bước 5: Mở rộng
GV nhấn mạnh thêm cho HS: Để thực hiện mục tiêu mở rộng thành viên bao gồm tất cả các nước trong khu vực, ASEAN phải trải qua hành trình hơn 3 thập kỉ: Trong thời kì Chiến tranh lạnh, ASEAN kết nạp thành viên thứ sáu là Bru-nây vào năm 1984, sau khi nước này tuyên bố độc lập. Sau đó, việc mở rộng ASEAN không có bước tiến nào đáng kể do tác động của Chiến tranh lạnh đối với khu vực. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, tình hình khu vực có những diễn biến thuận lợi, quan hệ giữa ASEAN và ba nước Đông Dương dần được cải thiện, tạo điều kiện cho việc mở rộng ASEAN. Sau khi tham gia kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác (TAC) năm 1992 và trở thành quan sát viên ASEAN năm 1994, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN tháng 7 – 1995.
Mục b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay)
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS hoạt động nhóm khai thác thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay) và những nét chính của các giai đoạn đó.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:
– HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK; ghi ra giấy những nét chính về các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).
– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến và hoàn thành sơ đồ tư duy.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 nhóm HS trình bày sơ đồ tư duy và thuyết trình trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt lại kiến thức chính của các giai đoạn phát triển của ASEAN (từ năm 1967 đến nay):
– Giai đoạn 1967 – 1976: Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề cho sự hợp tác ASEAN, tập trung vào hợp tác chính trị – an ninh "xây dựng lòng tin và học cách hoà giải".
– Giai đoạn 1976 – 1999: Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10; từng bước nâng cao uy tín ASEAN trên trường quốc tế, bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.
– Giai đoạn 1999 – 2015: Giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị – an ninh, kinh tế – thương mại và các lĩnh vực khác; khẳng định uy tín, vai trò của ASEAN.
– Giai đoạn từ năm 2015 đến nay: Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: chính trị – an ninh, kinh tế, văn hoá – xã hội; đẩy mạnh hợp tác bên trong và bên ngoài ASEAN với các đối tác đối thoại, nâng cao uy tín, vai trò của ASEAN ở khu vực và trên thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu
Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá lại kiến thức trên cơ sở các kiến thức đã lĩnh hội ở Hoạt động 2. HS lập bảng niên biểu thể hiện được các mốc chính trong quá trình phát triển

từ ASEAN 5 đến ASEAN 10, trong bảng niên biểu có thể bổ sung thông tin như: được tổ chức ở đâu, thời gian, những quyết định quan trọng.

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng niên biểu về quá trình mở rộng từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về bảng thống kê bằng bảng kiểm sau: BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	**Nội dung**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ tên các mốc thời gian, tên các quốc gia.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về quá trình mở rộng từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chuẩn kiến thức về các mốc thời gian của quá trình mở rộng từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đưa ra quan điểm về một vấn đề lịch sử là: đóng góp quan trọng nhất của ASEAN trong hơn 50 năm thành lập và phát triển là xây dựng được môi trường hoà bình, ổn định trong khu vực. Từ đó, góp phần phát triển năng lực nhận thức, tư duy lịch sử cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. Có ý kiến cho rằng: Đóng góp quan trọng nhất của ASEAN trong quá trình thành lập và phát triển hơn 50 năm qua là xây dựng được môi trường hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS làm việc cá nhân để bày tỏ ý kiến của mình về nhận định*: Đóng góp quan trọng nhất của ASEAN trong quá trình thành lập và phát triển hơn 50 năm qua là xây dựng được môi trường hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào kiến thức đã học và thông tin tìm hiểu từ sách, báo, internet để trả lời câu hỏi vận dụng.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét sản phẩm và chuẩn kiến thức cho HS.

– Lưu ý: Đây là câu hỏi mang tính mở, vì vậy phần đánh giá của GV cũng cần có tính mở. *Gợi ý:* HS chọn đồng ý với ý kiến trên và giải thích được: Nhờ tạo dựng được môi trường hoà bình, ổn định ở khu vực đã tạo cơ sở, điều kiện tiên quyết cho sự phát triển

chung của ASEAN trên các lĩnh vực khác.
Câu 2. Tìm hiểu tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài giới thiệu ngắn gọn về các giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài giới thiệu ngắn gọn về các giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
– HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.
– Trong bài giới thiệu có kèm hình ảnh về các sự kiện là những minh chứng rõ nét cho các giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ nộp lại bài giới thiệu cho GV đánh giá vào thời gian theo quy định của GV.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét bài giới thiệu của HS và chuẩn lại kiến thức.
Lưu ý: Đây là bài tập mang tính mở, vì vậy phần đánh giá của GV cũng cần có tính mở.
Gợi ý: Bài giới thiệu cần thể hiện được những nội dung sau: Đó là giai đoạn phát triển nào?
Nội dung chính của giai đoạn.
Những dấu mốc, sự kiện quan trọng của giai đoạn.
Ý nghĩa của sự kiện đó đối với sự phát triển chung của tổ chức ASEAN.
Là một học sinh, em có thể làm được gì để góp phần vào sự phát triển của ASEAN?

BÀI 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.
– Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
– Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

2. VỀ NĂNG LỰC

– Năng lực chung: Bài học cũng góp phần hình thành năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập cá nhân, năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động của các nhóm HS.
– Năng lực đặc thù môn lịch sử:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN; trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua kiến thức đã học để rút ra được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như:
+ Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.
+ Khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá, giải thích những vấn đề về lịch sử khu

vực, kết nối quá khứ với hiện tại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tư liệu lịch sử: các hình ảnh, các tư liệu về Cộng đồng ASEAN (có thể phóng to qua máy chiếu).

– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến Cộng đồng ASEAN và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN; những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN, đồng thời, giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1 và trả lời các câu hỏi:

– Vì sao tất cả các nước thành viên đều chào mừng Cộng đồng ASEAN?

– Cộng đồng ASEAN được hình thành như thế nào?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ, quan sát Hình 1 và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức:

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a) Mục tiêu

Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Mục a và b. Ý tưởng và mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Khai thác các tư liệu 1, 2 và thông tin trong mục, nêu những nét chính về ý tưởng và mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN*.

Nhóm 1, 2: *Khai thác tư liệu 1 và thông tin trong mục, nêu những nét chính về ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN*.

Nhóm 3, 4: *Khai thác tư liệu 2 và thông tin trong mục, nêu những nét chính về mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trong từng nhóm thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân khai thác thông tin, tư liệu và hình ảnh trong SGK ghi ra giấy những nét chính về ý tưởng hoặc mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN.

– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét nhận xét câu trả lời của nhóm HS và chốt lại các kiến thức chính:
– Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN
+ Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã khởi nguồn từ khi ASEAN thành lập. *Tuyên bố Băng Cốc* (1967) đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình Đông Nam Á.
+ ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997). Các nước thành viên thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, nêu rõ việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN.
+ Với việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội giữa các nước thành viên sẽ được phát triển lên một nấc thang mới, đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.
– Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN
+ Đưa ASEAN từ Hiệp hội trở thành một Cộng đồng có mức độ liên kết sâu rộng hơn được thiết lập với ba trụ cột chính là hợp tác Chính trị – An ninh, Kinh tế và Văn hoá – Xã hội trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.
+ Cộng đồng ASEAN có sự tham gia rộng rãi của người dân, đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, đồng thời là một cộng đồng mở rộng hợp tác với bên ngoài.
Mục c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Trình bày về những nét chính trong kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK ghi ra giấy nội dung chính trong kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt lại các kiến thức chính về kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN:
– Để thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN, các nước thành viên đã thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Chính trị – An ninh, Kinh tế, Văn hoá – Xã hội.
– Kế hoạch được nêu rõ trong văn bản "Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015)" nhằm đưa ASEAN trở thành cộng đồng gắn kết hơn về kinh tế, chính trị – an ninh, có trách nhiệm về xã hội đối với người dân, tăng cường thực hiện các biện pháp mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài, thông qua cơ chế hợp tác khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.
– Năm 2015, ASEAN đã hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng. Ngày 22 – 11 – 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố Cu-a-la Lăm- pơ chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN kể từ ngày 31 – 12 – 2015.
2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN
a) Mục tiêu

Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
b) Tổ chức thực hiện
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV chia lớp thành 3 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ: *Khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục, trình bày nội dung chính về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.*
– Nhóm 1: *Khai thác tư liệu 3 và thông tin trong mục, trình bày nội dung chính của Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.*
– Nhóm 2: *Khai thác thông tin trong mục, trình bày nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN.*
– Nhóm 3: *Khai thác tư liệu 4 và thông tin trong mục, trình bày nội dung chính của Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:
– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK ghi ra giấy những nội dung cơ bản của các trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất nội dung cần trình bày.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV lần lượt gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại các kiến thức chính về kế hoạch xây dựng cộng đồng ASEAN:
– Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC):
+ Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị – an ninh đã đạt được kể từ khi Hiệp hội được thành lập năm 1967.
+ APSC có mục tiêu tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị – an ninh trong ASEAN lên một nấc thang mới, cao hơn và chặt chẽ hơn trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.
– Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC):
+ Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi và nâng cao về mức độ hợp tác kinh tế, thương mại nhằm hướng tới một khu vực kinh tế ASEAN có khả năng cạnh tranh cao,…
+ Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm: tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.
– Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC):
+ Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là một khuôn khổ hợp tác chặt chẽ, với các quy định và tiêu chuẩn chung để tạo sự hài hoà, bình đẳng và công bằng xã hội, nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.
+ Nội dung chính Cộng đồng Văn hoá – Xã hội: Phát triển con người; Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; Bình đẳng xã hội và các quyền; Bảo đảm bền vững về môi trường; Xây dựng bản sắc ASEAN; Thu hẹp khoảng cách phát triển.
+ Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là chân kiềng quan trọng, gắn kết và tạo thuận lợi cho việc xây dựng hai trụ cột: Kinh tế và Chính trị – An ninh.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a) Mục tiêu

– Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

– HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn cuộc sống, nhận thức đúng về quá trình phát triển của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn, chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK ghi ra giấy những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của nhóm HS, sau đó chốt lại các nội dung chính về những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN:

– Về thách thức: Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với những thách thức trong nội khối và từ bên ngoài.

+ Trong nội khối: Những thách thức cơ bản về chính trị là sự đa dạng về chế độ chính trị, tình hình chính trị ở một số nước còn phức tạp, còn tồn tại một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,... Về kinh tế, sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển,... giữa các nước gây khó khăn trong hợp tác nội khối; sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề cũng tạo ra sự cạnh tranh trong xuất khẩu,…

+ Thách thức từ bên ngoài: Sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực, diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông và tình hình quốc tế; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh,...

+ Để vượt qua những thách thức, các nước ASEAN đã và đang đẩy nhanh quá trình triển khai các kế hoạch đã đề ra vì lợi ích chung, lâu dài của cả cộng đồng.

– Về triển vọng:

+ ASEAN sẽ tiếp tục phát triển với mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu rộng trên cả ba trụ cột, tiếp tục là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới.

+ Về đối ngoại, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, đồng thời có uy tín, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã lĩnh hội ở Hoạt động 1, 2; góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1: Tóm tắt nét chính về ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

GV cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện yêu cầu: *Tóm tắt nét chính về ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ, có thể lập sơ đồ tư duy hoặc bảng tóm tắt.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1- 2 HS trình bày sản phẩm học tập của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

Câu 2. Lập bảng thống kê theo gợi ý dưới đây về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện yêu cầu: *Lập bảng thống kê về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào nội dung đã được học để hoàn thành bảng thống kê vào vở.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về bảng thống kê bằng bảng kiểm sau: BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	**Nội dung**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ các tên ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS biết sưu tầm, khai thác tư liệu cũng như biết vận dụng kiến thức đã học, trải nghiệm của bản thân để viết bài giới thiệu; góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách báo, internet và vận dụng kiến thức đã học, hãy viết một bài giới thiệu ngắn về những hoạt động của em để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học và gợi ý của GV, tìm hiểu thêm thông tin từ sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo bài giới thiệu trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét và chuẩn kiến thức cho HS.

– Lưu ý: Đây là nhiệm vụ học tập mang tính mở, vì vậy việc đánh giá của GV đối với HS cũng cần thể hiện tính mở.

Gợi ý: HS viết được đoạn giới thiệu ngắn thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò của bản thân đối với sự phát triển của Cộng đồng ASEAN. Từ đó, HS có thể nêu ra được những việc làm cụ thể (như: tham gia tìm hiểu, tuyên truyền tầm quan trọng của việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, nâng cao nhận thức về ASEAN,…) để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển.

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

BÀI 6. CÁCH MẠNG THÁNG NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám năm 1945.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được bối cảnh, diễn biến chính; nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và phân tích được ý nghĩa, bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để rút ra ý nghĩa và bài học lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; giải quyết các nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất

Góp phần bồi dưỡng các phẩm chất chủ yếu:
– Yêu nước thông qua việc có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.
– Chăm chỉ thông qua việc thực hiện các công việc cá nhân và nhóm trong quá trình học tập.
– Trách nhiệm thể hiện trong việc tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Lược đồ diễn biến về Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Tư liệu lịch sử về Cách mạng tháng Tám:
+ Các hình ảnh, đoạn trích tư liệu liên quan nội dung bài học.
+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,... như: đoạn trích của bộ phim điện ảnh *Sao tháng Tám* hoặc bộ phim tư liệu *Ngày Độc lập 2 – 9 – 1945*,...
– Phiếu học tập.
– Máy tính, máy chiếu,...

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tư liệu liên quan đến bài học theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

– HS hình dung được một cách khái quát các nội dung cơ bản liên quan đến bài học (như bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945).

– Tạo tâm thế, kích thích được sự hứng thú, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới của HS, định hướng nhiệm vụ cho HS trong bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức hoạt động cá nhân, yêu cầu HS quan sát hình *Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội)*, đọc thông tin liên quan trong SGK và trả lời câu hỏi:

– Hình ảnh trên cho em biết điều gì về thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945?

– Vì sao nói cuộc cách mạng này là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi theo ý hiểu của mình.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Ở các câu hỏi này, GV không nhận xét, đánh giá. Căn cứ vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu

Trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 (hoặc nhóm 8) và thực hiện nhiệm vụ:

– Xem đoạn phim video về thời cơ trong Cách mạng tháng Tám (https://www.youtube.com/watch?v=N5lceZLpyiY), trước khi xem sẽ giao nhiệm vụ cho HS: *Hãy ghi lại những thông tin cho biết bối cảnh, thời cơ dẫn đến Cách mạng tháng Tám.*

– HS đọc thông tin trong SGK, kết hợp với thông tin đã thu được từ việc xem đoạn video ở trên để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân:

+ Xem video và ghi lại những thông tin về bối cảnh, thời cơ dẫn đến Cách mạng tháng Tám.

+ Đọc thông tin trong SGK ghi lại những nội dung về bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám ra giấy.

– Sau đó, thảo luận với các bạn trong nhóm về bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và thống nhất cách trình bày.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 – 3 đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần làm việc, phần trả lời câu hỏi của các nhóm và chốt kiến thức cho HS: Bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945:
– Thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Đến ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.
– Trong nước:
+ Từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước, góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.
+ Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố *Quân lệnh số 1*, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
+ Ngày 14, 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.
+ Ngày 16, 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
---> "Thời cơ ngàn năm có một" cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền xuất hiện.

2. Hoạt động 2. Tìm hiểu về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu:
Trình bày được diễn biến chính của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.
b) Tổ chức thực hiện
* Chuyển giao nhiệm vụ:
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ: *Đọc thông tin trong SGK, hoàn thành Phiếu học tập về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*
PHIẾU HỌC TẬP
Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám 1945

Thời gian	**Diễn biến chính**
Ngày 16 – 8 – 1945	Đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đường tiến về Hà Nội.
?	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK để hoàn thành Phiếu học tập.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 1 – 2 HS lên bảng sử dụng lược đồ treo tường và kết quả trong Phiếu học tập để trình bày diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt nội dung chính về diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945:

+ Đến giữa tháng 8 – 1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước. Từ ngày 14 – 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa..
+ Ngày 18 – 8 – 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam đã giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.
+ Khởi nghĩa giành chính quyền ở các đô thị lớn: Hà Nội (19 – 8), Huế (23 – 8), Sài Gòn (25 – 8).
+ Từ ngày 25 đến ngày 28 – 8 – 1945, các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi, nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa... Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai địa phương giành thắng lợi cuối cùng.
+ Ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
+ Ngày 2 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố với nhân dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

3. Hoạt động 3. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ riêng cho từng nhóm theo 3 yêu cầu như sau:

+ *Nhóm 1, 2*: Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp với SGK, trình bày nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

"*Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng, do sự đoàn kết và hăng hái của toàn dân trong và ngoài Mặt trận Việt Minh, cuộc Cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi. Các đồng chí, chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 25)

+ *Nhóm 3, 4*: Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp với SGK, phân tích ý nghĩa lịch sử (trong nước và thế giới) của Cách mạng tháng Tám.

"Cách mạng tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập, tự do. Song, vì nó chống phát xít Nhật và bọn phong kiến phản động, tay sai của phát xít Nhật, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ thế giới chống phát xít xâm lược, nên nó cũng có tính chất dân chủ."

(Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Tập I, NXB Sự thật, 1975, tr. 384)

+ *Nhóm 5, 6*: Đọc đoạn tư liệu sau kết hợp với SGK, rút ra bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám.

"Bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chứng tỏ vai trò lãnh đạo quyết định của Đảng. Vào thời điểm trước khi Tổng khởi nghĩa, số lượng đảng viên của Đảng

chỉ có vài nghìn người, nếu tính theo tỷ lệ dân số cả nước thì con số đó quả là ít ỏi. Vậy vấn đề đặt ra là vì sao Đảng lúc đó chỉ có ít đảng viên như vậy lại có thể lãnh đạo toàn thể nhân dân đứng lên giành chính quyền? Câu trả lời là Đảng đã thực sự trở thành đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thông qua đường lối, chủ trương rõ ràng, đúng đắn, xuất phát từ thực tế tình hình, và mọi hoạt động của Đảng đều nhằm mục đích đem lại độc lập, tự do cho dân tộc và quyền lợi thiết thực, cụ thể cho mỗi người dân"
(Nguyễn Mạnh Hà, *Bài học của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với công cuộc Đổi mới*, *Tạp chí Cộng sản*, số 814, 2010, tr. 27 – 31)
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin trong SGK và tư liệu được cung cấp, thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
– GV gọi đại diện 3 nhóm HS báo cáo kết quả thảo luận và trình bày trước lớp về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học của Cách mạng tháng Tám.
– Các nhóm HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt lại kiến thức cơ bản:
– Nguyên nhân thắng lợi:
+ Chủ quan: đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng; truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân; quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo.
+ Khách quan: thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng trước quân phiệt Nhật Bản.
– Ý nghĩa lịch sử:
+ Trong nước:
Đây là sự kiện lịch sử vĩ đại, đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp, quân phiệt Nhật Bản, chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
Cách mạng tháng Tám đã đánh dấu một bước tiến nhảy vọt trong lịch sử dân tộc: mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.
Cuộc cách mạng đã chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.
+ Quốc tế: Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.
– Bài học lịch sử:
+ Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
+ Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
+ Bài học về nắm bắt thời cơ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu
Giúp HS củng cố, hệ thống hoá lại các sự kiện chính trong diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
b) Tổ chức thực hiện
Câu 1. Lập trục thời gian (theo ý tưởng của em) về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám

năm 1945.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV có thể cho HS thực hiện khi tổ chức dạy học mục 2.

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: *Lập trục thời gian về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào thông tin trong SGK để hoàn thành trục thời gian.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về trục thời gian bằng bảng đánh giá theo tiêu chí như sau:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRỤC THỜI GIAN CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	- Các sự kiện được sắp xếp đúng theo trật tự thời gian.	1
		- Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		- Bố cục mạch lạc, lô-gic	1
2	Hình thức	- Trình bày theo đúng dạng của sơ đồ trục thời gian	2
		- Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	1
		- Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 theo nội dung trong SGK.

Gợi ý: Các sự kiện chính gồm: các địa phương giành chính quyền đầu tiên, thắng lợi ở các đô thị lớn, các địa phương giành chính quyền cuối cùng và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 2. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt và để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. Hãy dựa vào kiến thức trong bài học để làm rõ nhận định trên.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để làm rõ nhận định: *Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt và để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc Việt Nam.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, đưa ra những lập luận để bày tỏ quan điểm của mình.

– HS báo cáo kết quả làm việc vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả làm việc. Các HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức cho HS.

Gợi ý:

– Với luận điểm *Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt,* HS cần làm rõ được: Cuộc cách mạng đã xoá bỏ hoặc lật đổ cái cũ gì? Đã thiết lập cái mới gì? (Đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm, chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân,...; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà).

– Với luận điểm *Cách mạng tháng Tám năm 1945 để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc,* cần làm rõ được: Bài học về sự lãnh đạo của Đảng (Đảng là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Do đó, Đảng phải có đường lối đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo cách mạng); Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc (Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với vai trò quan trọng của Mặt trận Việt Minh trong tập hợp, tổ chức và đoàn kết toàn dân. Thực tiễn đó cho thấy, cần có các hình thức phong phú, sáng tạo để tập hợp, tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc); Bài học về nắm bắt thời cơ (Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cho thấy cần xác định đúng thời cơ, chủ động và mau lẹ chớp thời cơ hành động nhằm đưa cách mạng đến thành công).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao, bồi dưỡng năng lực vận dụng bài học lịch sử vào thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Vận dụng kiến thức đã học, nêu những bài học kinh nghiệm từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS và gợi ý một số bài học như sau:

– Bài học về sự lãnh đạo của Đảng (Đảng đề ra đường lối đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay);

– Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tập hợp, tổ chức và đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc với phương châm: *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*),...

BÀI 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, tìm hiểu và sử dụng tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954); nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước: ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Pháp.
– Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Các lược đồ: chiến dịch Việt Bắc năm 1947, chiến dịch Biên giới năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (treo tường hoặc phóng to bằng máy chiếu).
– Tư liệu lịch sử:
+ Các hình ảnh, tư liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 –1954).
+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) như: *Cuộc chiến giữa hổ và voi, Việt Nam – trên đường thắng lợi,...* Các bộ phim điện ảnh như: *Hà Nội mùa đông 1946, Hoa ban đỏ, Kí ức Điện Biên, Đường lên Điện Biên,...*
– Phiếu học tập cho HS.
– Máy tính, máy chiếu,…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát Hình 1. Tượng đài "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" (Hà Nội) để trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì hình tượng các nhân vật của tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh"?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học và nêu yêu cầu định hướng của bài học: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trong bối cảnh lịch sử nào, diễn biến ra sao? Vì sao cuộc kháng chiến giành thắng lợi? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Mục tiêu

HS biết khai thác hình ảnh, tư liệu lịch sử để tìm hiểu và trình bày khái quát được bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954), góp phần phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin trong SGK và thực hiện yêu cầu: *Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử (thuận lợi, khó khăn) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cặp đôi theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân khai thác thông tin, ghi lại những nét chính về bối cảnh lịch sử (thuận lợi, khó khăn) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Sau đó, HS thảo luận cặp đôi về những nét chính về bối cảnh lịch sử (thuận lợi, khó khăn) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) để thống nhất câu trả lời.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS, chốt lại các kiến thức chính về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

– Thế giới:

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

+ Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở các nước tư bản.

+ Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và tình trạng chiến tranh lạnh cũng tác động to lớn đến tình hình Việt Nam.

– Trong nước:

+ Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng những quyền lợi do chế độ mới mang lại nên đồng lòng ủng hộ cách mạng.

+ Tuy nhiên, cách mạng Việt Nam cũng đứng trước những thử thách to lớn như: Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam, các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng, trên đất nước vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp,...

+ Trong khi đó, chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, những tàn dư của chế độ cũ còn hết sức nặng nề. Trong bối cảnh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc",

Chính phủ Pháp quyết định thành lập một đạo quân viễn chinh, đồng thời cử Đác-giăng-li-ơ làm Cao uỷ ở Đông Dương nhằm thực hiện dã tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa.
* Bước 5: Mở rộng
GV có thể phân tích thêm tình hình "ngàn cân treo sợi tóc" của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, đã mở ra một kỉ nguyên độc lập trong lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, nền độc lập của Việt Nam chưa được quốc gia nào công nhận.
– Không những thế, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá từ nhiều phía. Với danh nghĩa giải giáp vũ khí quân đội Nhật Bản, quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào và đóng quân ở hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt – Trung đến vĩ tuyến 16. Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, hơn 1 vạn quân Anh kéo vào, dọn đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Tình hình còn nghiêm trọng hơn ở miền Bắc vì ý đồ trở lại xâm chiếm Việt Nam của thực dân Pháp ngày càng lộ rõ. Ngoài ra, trên cả nước còn hơn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp. Theo chân quân đội nước ngoài là các tổ chức phản động.
– Chính quyền cách mạng mới ra đời còn non trẻ. Nạn đói vẫn chưa được khắc phục. Hàng hoá khan hiếm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Di sản văn hoá lạc hậu của chế độ cũ rất nặng nề, tệ nạn xã hội còn phổ biến. Ngân sách Nhà nước hầu như trống rỗng.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Mục tiêu

Trình bày được diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu trước nội dung trong SGK và chuẩn bị nội dung để trình bày về diễn biến một giai đoạn của cuộc kháng chiến:
– *Nhóm 1:* Trình bày về cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.
– *Nhóm 2:* Trình bày về những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950).
– *Nhóm 3:* Trình bày về bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953).
– *Nhóm 4:* Trình bày về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954).
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Nhóm HS làm việc theo trình tự như sau:
– HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, ghi lại diễn biến chính của giai đoạn mà nhóm mình được phân công ra giấy.
– Thảo luận với các bạn trong nhóm để thống nhất nội dung và cách thức trình bày.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi lần lượt đại diện từng nhóm HS báo cáo về nhiệm vụ được giao.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần làm việc của các nhóm HS, chốt lại các kiến thức chính:
– *Kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945)*
+ Ngày 2 – 9 – 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng "Ngày Độc lập", quân Pháp đã bất ngờ xả súng vào đồng bào ta. Đêm 22, rạng sáng 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
+ Trước tình hình đó, ngày 23 – 9 – 1945, Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập. Quân

dân Nam Bộ ra sức củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và tổ chức chiến đấu nhằm kìm chân quân Pháp trong các thành phố, thị xã ở phía Nam vĩ tuyến 16. Đảng và Chính phủ đã huy động cả nước chi viện cho Nam Bộ. Các đơn vị "Nam tiến" được thành lập và khẩn trương lên đường vào Nam chiến đấu.
+ Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ bước đầu làm thất bại âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp.
– Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)
+ Mặc dù Chính phủ Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí hoà bình nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại những điều đã kí kết, đẩy mạnh xâm lược cả nước ta. Ngày 18 – 12 – 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đòi giải tán lực lượng chiến đấu và để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Trước tình hình đó, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.
+ Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi quân sự tiêu biểu:
Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16: diễn ra từ ngày 19 – 12 – 1946 đến ngày 17 – 2 – 1947 ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,… đặc biệt là ở Hà Nội. Kết quả là đã giam chân quân Pháp ở Hà Nội và các thành phố, thị xã; lực lượng quân chủ lực của ta đã chủ động rút lui an toàn ra căn cứ kháng chiến. Cuộc chiến đấu đã làm thất bại một bước kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, củng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.
Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947: diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Kết quả là sau hai tháng, đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc; cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn; bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành. Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.
Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950: diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. Kết quả là sau gần một tháng, quân ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng Hành lang Đông – Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp. Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam. Từ đây, quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
– Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống chống thực dân Pháp (1951 – 1953)
+ Tháng 2 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một Đảng Mác – Lê-nin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam và khẳng định, bổ sung, hoàn chỉnh đường lối kháng chiến.
+ Ngày 3 – 3 – 1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) ra đời trên cơ sở hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.
+ Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động, đã trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến và đời sống nhân dân. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển.
+ Tháng 12 – 1953, Quốc hội thông qua Luật Cải cách ruộng đất và quyết định tiến hành cải

cách ruộng đất ở vùng tự do.

+ Quân đội Việt Nam liên tiếp mở những chiến dịch tiến công, tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường như: ba chiến dịch là Trần Hưng Đạo (Trung du), Hoàng Hoa Thám (Đường số 18), Quang Trung (Hà – Nam – Ninh) (từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951); sau đó là chiến dịch Hoà Bình (đông – xuân 1951 – 1952), chiến dịch Tây Bắc (thu – đông năm 1952), chiến dịch Thượng Lào (xuân – hè năm 1953).

– Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)

+ Được sự thoả thuận của Mỹ, tháng 7 – 1953, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Na-va với hi vọng trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

+ Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va, đồng thời chuẩn bị về vật chất và tinh thần để mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

+ Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ trải qua 56 ngày đêm (từ ngày 13 – 3 – 1954 đến ngày 7 – 5 – 1954) với ba đợt.

Đợt 1: từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954, quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.

Đợt 2: từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954, quân ta tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.

Đợt 3: từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954, quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 – 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp phải đầu hàng.

+ Ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ:

Tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương (21 – 7 – 1954).

Buộc thực dân Pháp phải rút quân về nước, Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Tạo điều kiện để miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Mục tiêu

– Trình bày được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Nguyên nhân thắng lợi

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV sử dụng kĩ thuật "chia sẻ nhóm đôi" (think–pair–share), cho HS thảo luận và hoàn thành nội dung theo Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Nguyên nhân thắng lợi	Nội dung
Chủ quan	?

Khách quan	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, chia sẻ nhóm đôi, sau đó thống nhất nội dung trình bày trong Phiếu học tập.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi thuyết trình nội dung Phiếu học tập trước lớp. Các HS khác nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần trình bày của cặp đôi và chốt lại nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):
– Nguyên nhân chủ quan:
+ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
+ Toàn dân, toàn quân đã phát huy được tinh thần yêu nước, đoàn kết, sáng tạo trong chiến đấu và sản xuất. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất không ngừng được củng cố và mở rộng; lực lượng vũ trang được xây dựng không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.
– Nguyên nhân khách quan:
+ Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được tiến hành với sự ủng hộ, đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân Lào và Cam-pu-chia trong Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.
+ Cuộc kháng chiến nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Mục b. Ý nghĩa lịch sử

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác Tư liệu 3 và đọc thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
– HS tìm những cụm từ trong tư liệu thể hiện ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.
– Sau đó, HS khai thác thông tin trong mục để phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954):
– Ý nghĩa trong nước:
+ Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.
+ Bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để nhân dân Việt Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
– Ý nghĩa quốc tế:
+ Giáng đòn nặng nề vào tham vọng của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Cùng với nhân dân Lào và Cam-pu-chia, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn cõi Đông Dương, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới, tăng cường ảnh hưởng của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội và các phong trào tiến bộ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố lại kiến thức và có kĩ năng xâu chuỗi các sự kiện để nhận thức các mốc chính trong diễn biến của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng thống kê (theo gợi ý vào vở) về diễn biến chính của mỗi giai đoạn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa và kiến thức đã học cũng như nội dung bài học để hoàn thành bảng thống kê.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau về bảng thống kê bằng bảng kiểm sau: BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	**Nội dung**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ các giai đoạn, thời gian của các giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Pháp.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về diễn biến chính của các giai đoạn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954).	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.

Câu 2. *Theo em, vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh?*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, thảo luận để trả lời câu hỏi: *Vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm ở nhà, dựa vào những kiến thức đã học trong bài, thảo luận để đưa ra được những lí do vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của mình. Các nhóm HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.

– Lưu ý: Câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.
Gợi ý: Nội dung giải thích cần thể hiện rõ hai ý:
+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã làm suy yếu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc;
+ Thắng lợi của Việt Nam trước thực dân Pháp – một dân tộc thuộc địa nhỏ đánh thắng một đế quốc lớn đã tạo niềm tin cho các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc khác ở châu Á, Phi, Mỹ La-tinh quyết tâm đấu tranh giành độc lập như: vào những năm 60 của thế kỉ XX, châu Phi được ví như "lục địa mới trỗi dậy", khu vực Mỹ La-tinh được ví như "lục địa bùng cháy",…

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu
Nhiệm vụ này giúp HS biết sưu tầm tư liệu để xây dựng một bài giới thiệu ở mức độ đơn giản, củng cố năng lực tự tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.
b) Tổ chức thực hiện
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, giới thiệu về một di tích, một thắng lợi quân sự hoặc một danh nhân ở địa phương em liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào kiến thức đã học và thông tin tìm hiểu từ sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ báo cáo bài giới thiệu trước lớp, vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.
– Lưu ý: Câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.
Gợi ý: HS trình bày bài giới thiệu theo dàn ý sau:
– Tên thắng lợi quân sự hoặc danh nhân ở địa phương em liên quan đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).
– Diễn biến của thắng lợi quân sự hoặc đóng góp, vai trò của danh nhân.
– Cảm nghĩ của em.

BÀI 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; nêu được nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Về phẩm chất
– Yêu nước: có ý thức trân trọng, tự hào về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước;
– Trách nhiệm: tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên
– Tư liệu lịch sử gồm:
+ Các hình ảnh, các tư liệu về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở trong SGK hoặc sưu tầm thêm (có thể phóng to qua máy chiếu).
+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,... về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. GV có thể tham khảo một số bộ phim tài liệu như: *Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh – Biên niên sử truyền hình, Việt Nam cuộc chiến 10 000 ngày, Việt Nam thiên lịch sử truyền hình, Việt Nam 1972,* chương trình *Góc chuyện xưa* của Truyền hình Nhân dân.
– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh
– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC
a) Mục tiêu
Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.
b) Tổ chức thực hiện
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát "Hình 1. Bức ảnh Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị" (Đoàn Công Tính chụp) để trả lời câu hỏi: *Em có suy nghĩ gì về hình ảnh đó?*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS khai thác thông tin trong phần Mở đầu và dựa vào hiểu biết cá nhân để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học và nêu yêu cầu định hướng của bài học: Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào, trải qua mấy giai đoạn? Theo em, vì sao nhân dân Việt Nam có thể tiến hành kháng chiến thành công? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc và thời đại?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Mục tiêu

Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, xem một đoạn phim tư liệu trong bộ phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*, sau đó đọc thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem đoạn phim và khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trình bày của HS, sau đó chốt lại bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai miền Nam Việt Nam. Âm mưu của Mỹ là chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở khu vực này.

– Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

– Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tuy nhiên, sự đối đầu giữa hai phe: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột mà đỉnh cao là Chiến tranh lạnh đã tác động rất lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Mục tiêu

Trình bày được các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc nhóm, chia cả lớp thành 5 nhóm, giao cho mỗi nhóm chuẩn bị nội dung thuyết trình về một giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước theo những gợi ý trong Phiếu học tập sau.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn ……..

	Những nét chính	**Ý nghĩa**
Miền Bắc	?	?
Miền Nam	?	?

– Nhóm 1: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn1954 – 1960.*
– Nhóm 2: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1961 – 1965.*
– Nhóm 3: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1968.*
– Nhóm 4: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn1969 – 1973.*
– Nhóm 5: *Tìm hiểu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1973 – 1975.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
– Từng HS trong mỗi nhóm làm việc cá nhân khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để chuẩn bị nội dung những nét chính về giai đoạn mà nhóm được phân công tìm hiểu.
– Sau đó, cả nhóm thảo luận để hoàn thành nội dung Phiếu học tập.
– Nhóm phân công người thuyết trình Phiếu học tập dựa vào nội dung đã chuẩn bị ở phiếu đó.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV tổ chức cho 5 nhóm HS lần lượt thuyết trình. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm và chốt kiến thức cho HS về nội dung các giai đoạn chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).
Giai đoạn 1954 – 1960:
– Miền Bắc:
+ Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.
+ Thành tựu đạt được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.
– Miền Nam:
+ Đấu tranh chống Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi.
+ Tháng 1 – 1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 của Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: ngoài con đường sử dụng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác. Nghị quyết đã thổi bùng lên phong trào Đồng khởi (1959 – 1960).
+ Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
Giai đoạn 1961 – 1965:
– Miền Bắc:
+ Nhân dân miền Bắc tiến hành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) với nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân,…

+ Thành tựu đạt được làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.
– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) do Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai.
+ Trên mặt trận chính trị, phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.
+ Trên mặt trận chống bình định, nhân dân miền Nam đã làm phá sản "quốc sách" lập "ấp chiến lược" của Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm.
+ Trên mặt trận quân sự, chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận", chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" dấy lên khắp miền Nam.
+ Trong những năm 1964 – 1965, những thắng lợi về quân sự đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Giai đoạn 1965 – 1968:

– *Miền Bắc:*
+ Sau khi dựng lên sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" (8 – 1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 – 1965).
+ Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.
– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ.
+ Trên mặt trận chính trị, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều "ấp chiến lược". Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi.
+ Với ý chí "Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược", quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi ở Vạn Tường (18 – 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" về quân sự. – Quân dân miền Nam tiếp tục đập tan cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.
+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam xuân Mậu Thân năm 1968, trọng tâm là ở các đô thị đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải "phi Mỹ hoá" chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

Giai đoạn 1969 – 1973:

– *Miền Bắc:*
+ Tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.
+ Chủ động, kịp thời đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972). Thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).
– *Miền Nam:* chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ.
+ Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam. –
+ Trong những năm 1970 – 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị.

+ Từ tháng 3 – 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, chọc thủng ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

Giai đoạn 1973 – 1975:

– Miền Bắc:

Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước. Nhân dân miền Bắc bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

– Miền Nam:

+ Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn "cố vấn" quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri.

+ Tháng 7 – 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 nhấn mạnh: Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

+ Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh).

+ 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

a) Mục tiêu

– Trình bày được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Nguyên nhân thắng lợi

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin trong mục, thảo luận để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS khai thác thông tin trong SGK và thông tin mở rộng ở mục Em có biết, ghi ra giấy những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc các cặp đôi, chốt lại các kiến thức chính về nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phát triển không ngừng nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, kết hợp một cách đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

– Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo

nên sức mạnh để chiến thắng.
– Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
– Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới,...

Mục b. Ý nghĩa lịch sử

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, Tư liệu 2 trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:
– HS khai thác Tư liệu 2 để tìm ra những cụm từ thể hiện ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và ghi ra giấy.
– Sau đó, kết hợp với thông tin trong mục và hiểu biết của mình để hoàn thành nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV có thể gọi 1 – 2 HS phân tích một ý nghĩa lịch sử. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá và phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:
– Đối với Việt Nam:
+ Đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.
+ Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
– Đối với quốc tế:
+ Góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố lại kiến thức và có kĩ năng xâu chuỗi các sự kiện để nhận thức các mốc chính trong các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975), góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. *Lập sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc nhóm ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy thể hiện các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– Nhóm HS phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
– Từng HS trong nhóm sẽ chuẩn bị trước nhiệm vụ của mình.
– Cả nhóm cùng thảo luận, thống nhất mẫu sơ đồ tư duy, những nội dung cần thể hiện trong

sơ đồ tư duy.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	- Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác	3
		- Bố cục mạch lạc, lô-gic	2
2	Hình thức	- Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn	3
		- Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh họa cho thông tin	2

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại kiến thức cho HS.

Gợi ý: Sơ đồ tư duy phải thể hiện được các giai đoạn của cuộc kháng chiến là 1954 – 1960, 1961 – 1965; 1965 – 1968; 1969 – 1973 và 1973 – 1975. Với mỗi giai đoạn, HS nên chia thành hai nhánh: miền Bắc và miền Nam.

Câu 2. *Hãy nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, lựa chọn một số sự kiện thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

– Với mỗi sự kiện, HS lí giải vì sao sự kiện đó được đánh giá là mốc đánh dấu một bước ngoặt phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp lại bài cho GV vào đúng thời gian theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

Gợi ý: Một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) như: phong trào Đồng khởi (1959 – 1960); cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" (1972) dẫn đến Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973); Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Với mỗi sự kiện, HS cần lí giải được vì sao sự kiện đó được đánh giá là mốc đánh dấu một bước ngoặt phát triển đi lên của cuộc kháng chiến.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ phần Vận dụng:

Câu 1. *Hãy sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet xây dựng bài giới thiệu (theo ý tưởng của em)*

về một trong hai chủ đề sau:

a. Về một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b. Về một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới.

***Câu 2.** Nêu những việc em có thể làm để thể hiện lòng biết ơn đối với các thương binh, liệt sĩ và những người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa vào gợi ý của GV lựa chọn và thực hiện nhiệm vụ.

– HS tìm hiểu thêm hình ảnh, thông tin từ sách, báo hoặc internet để cho bài viết của mình sinh động và có tính thuyết phục.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV cho HS nộp lại sản phẩm học tập vào đúng thời gian yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá sản phẩm của HS và chốt lại nội dung theo hướng mở.

Gợi ý:

Câu 1:

a. Với yêu cầu giới thiệu về sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng, HS trình bày theo dàn ý sau:

+ Tên sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu.

+ Nội dung của sự kiện hoặc đóng góp, vai trò của nhân vật lịch sử.

+ Vì sao em lại chọn sự kiện, nhân vật lịch sử đó?

b. Với yêu cầu giới thiệu một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới, HS trình bày theo dàn ý sau:

+ Tên phong trào.

+ Phong trào diễn ra ở đâu? Thời gian nào? + Ai hoặc tổ chức nào lãnh đạo?

+ Mục đích của phong trào.

+ Kết quả, ý nghĩa của phong trào?

+ Vì sao em lại chọn phong trào đó?

Câu 2: HS xây dựng kế hoạch và thực hiện vệ sinh ở nghĩa trang liệt sĩ; giúp đỡ, quan tâm đến các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công; tìm kiếm thông tin về liệt sĩ chưa biết tên, …

BÀI 9. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO Vfi TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO Vfi TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.
– Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay; nêu được ý nghĩa lịch sử và những bài học cơ bản của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước: Tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông ta trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc; trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử.
– Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tư liệu lịch sử gồm:
+ Các hình ảnh, tư liệu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.
+ Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay: *Biên niên sử truyền hình (tập năm 1978, 1979, 1988); Cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc: tự hào một dải biên cương* (của Đài Truyền hình kĩ thuật số VTC); *Kỉ niệm 45 năm ngày chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc* (của Kênh VTV4 – Đài Truyền hình Việt Nam)…
– Phiếu học tập cho HS.
– Máy tính, máy chiếu…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay cũng như đúc rút được một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ: Quan sát Hình 1 và trả lời các câu hỏi:

– Hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì?

– Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV lần lượt gọi 1 – 2 HS trả lời từng câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào phần trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Mục tiêu

Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 4 – 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

GV cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 4 – 1975 đến nay và hoàn thành Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 –1975

Bối cảnh	**Thuận lợi**	**Khó khăn**
Trong nước		
Quốc tế		

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK, ghi lại một số ý chính về bối cảnh trong nước và quốc tế ra giấy.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất nội dung và điền vào Phiếu học tập.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày trước lớp theo nội dung đã chuẩn bị trong Phiếu học tập và các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nội dung chính về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975:

– Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Việt Nam chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Tuy nhiên, hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.

– Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện từ đầu

những năm 70 của thế kỉ XX, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Mục tiêu

Trình bày được diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một nội dung thuyết trình về diễn biến của một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nhóm 1: *Trình bày về cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới Tây Nam.*

– Nhóm 2: *Trình bày về cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc.*

– Nhóm 3: *Trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và ghi một số thông tin ra giấy.

– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất nội dung trả lời và cách thức trình bày của nhóm.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi lần lượt đại diện từng nhóm trình bày nội dung đã chuẩn bị trước lớp. Các nhóm HS khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá phần thuyết trình và sản phẩm học tập của từng nhóm. Sau đó, GV chốt lại kiến thức cho HS.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam: diễn ra qua hai giai đoạn:

– *Giai đoạn 1* (từ ngày 30 – 4 – 1977 đến ngày 5 – 1 – 1978):

+ Quân Pôn Pốt tấn công dọc tuyến biên giới, tàn sát dân thường,…

+ Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hoà bình.

– *Giai đoạn 2* (từ ngày 6 – 1 – 1978 đến ngày 7 – 1 –1979):

+ Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 22 – 12 – 1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn công quy mô lớn vào Tây Ninh.

+ Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương.

+ Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Cam-pu-chia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7 – 1 – 1979, Thủ đô Phôm Pênh (Cam-pu-chia) được hoàn toàn giải phóng.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc

– Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ Việt Nam – Trung Quốc dần trở nên căng thẳng. Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật và khiêu khích, xâm phạm khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam.

– Sáng ngày 17 – 2 – 1979, hàng chục vạn quân Trung Quốc tấn công dọc tuyến biên giới phía Bắc dài hơn 1 000 km của Việt Nam, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

– Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến diễn ra quyết liệt ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai,… đã làm thất bại mục tiêu "đánh nhanh, thắng nhanh" của quân đội Trung Quốc.

– Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận, Trung Quốc phải tuyên bố rút quân từ ngày 5 – 3 – 1979. Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc tiếp tục căng thẳng kéo dài cho tới cuối năm 1989, đặc biệt là Vị Xuyên (Hà Giang).

Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

– Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Ngày 12 – 5 – 1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982, trước khi Công ước chính thức có hiệu lực vào tháng 12 – 1994.

– Về quản lí hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Đồng Nai, nay thuộc tỉnh Khánh Hoà). Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây, Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

– Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như: tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo,...

– Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hoà bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất.

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

a) Mục tiêu

Nêu được ý nghĩa lịch sử của các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau năm 1975 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, thực hiện nhiệm vụ:

Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin và dựa vào hiểu biết của mình để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại kiến thức cho HS về ý nghĩa lịch sử cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay:

– Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

– Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.

– Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

– Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

– Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.

4. Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

a) Mục tiêu

– Nêu được các bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

– Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, khai thác tư liệu và thông tin trong mục để thực hiện các nhiệm vụ:

– Nêu những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

– Phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS khai thác thông tin trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân, thảo luận với bạn để nêu được những bài học lịch sử chính.

– Sau đó, lần lượt phân tích giá trị thực tiễn của những bài học đó.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các bài học lịch sử và giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay:

– Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam đã tạo thành sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, đất nước đang tiến hành đổi mới và hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hoá. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống để mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức rõ vai trò của tinh thần và phát huy tinh thần đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam).

– Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Thực tiễn cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chứng minh: Một dân tộc nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam nhưng lại có thể chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh,... là nhờ sự đoàn kết một lòng của cả dân tộc. Các tổ chức mặt trận đã giữ vai trò to lớn trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy vai trò trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

– Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn, xuyên suốt trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, trong đó, sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định. Trong bối cảnh hiện nay, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra thế và lực để đất nước ổn định và phát triển. Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cũng cho thấy cần kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đất nước vững mạnh, đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao…là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia sẽ tạo sức mạnh cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước.

– Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn

dân

Dẫn chứng và giá trị thực tiễn: Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục xây dựng và phát triển sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đó là nghệ thuật toàn dân đánh giặc, nghệ thuật tiến công chủ động, kiên quyết, mưu trí, sáng tạo...Trong bối cảnh sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện nay, nghệ thuật quân sự Việt Nam cần tiếp tục phát triển ở trình độ khoa học cao, đồng thời xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và có chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Em có nhận xét gì các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975?*

Gợi ý: Dù là một dân tộc yêu chuộng hoà bình, nhưng trước sự xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện quyền tự vệ chính đáng, sử dụng vũ lực để đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Các cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt, rất nhiều chiến sĩ đã anh dũng hi sinh với quyết tâm không gì thay đổi được: đó là sự toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ của Việt Nam.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS xâu chuỗi, hệ thống hoá các sự kiện để nhận thức ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. *Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV có thể cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về các nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.*

	Diễn biến chính	**Ý nghĩa**
Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam	?	?
CCuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc	?	?
Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông	?	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học trong SGK để hoàn thành bảng thống kê.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	**Nội dung**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	

2	Đúng, đủ tên các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về diễn biến chính và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các nội dung chính cần thể hiện trong bảng:

Gợi ý:

– Thời gian:

+ Với cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc: thời gian sự kiện bắt đầu diễn ra và kết thúc.

+ Với cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông: Cuộc đấu tranh bằng biện pháp hoà bình vẫn luôn diễn ra với các sự kiện chính như: Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (1977); thành lập huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Hoàng Sa (1982), sự kiện Gạc Ma (1988); Luật Biển Việt Nam (2012),…

– Diễn biến chính, kết quả.

– Ý nghĩa.

Câu 2. *Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa vào kiến thức đã học trong bài, lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng riêng của mình về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

– Từ sơ đồ tư duy và hiểu biết của mình, HS đưa ra được ý kiến và giải thích được: *Bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại kiến thức cho HS:

Về sơ đồ tư duy, phải đảm bảo thể hiện các bài học sau:

– Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

– Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

– Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

– Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Về bài học quan trọng nhất, GV kết luận theo hướng mở, điều quan trọng là HS giải thích được lí do vì sao lại lựa chọn bài học đó.

Ví dụ: Lựa chọn bài học: Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Lí do: Trong các cuộc kháng chiến, chính sự đoàn kết một lòng của toàn dân tộc đã giúp chúng ta đánh thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất với trang bị vũ khí hiện đại nhất.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, những bài học lịch sử về củng cố, tăng cường khối đoàn kết toàn dân,… vẫn giữ nguyên giá trị. Cốt lõi và chiều sâu của bài học lịch sử này là sự kiên định, sáng tạo trong thực hiện độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi đây chính là nhu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ bao trùm, xuyên suốt, nhất quán có tính "sống còn" của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, trong đó sức mạnh dân tộc – sức mạnh nội lực vẫn phải là chủ yếu.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS vận dụng kiến thức đã học, kĩ năng sưu tầm và xử lí tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau để thiết kế một bài viết theo cách riêng của mình.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện câu hỏi phần Vận dụng:

Câu 1. *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu ngắn gọn về một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.*

Câu 2. *Vận dụng kiến thức đã học, hãy phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS dựa và kiến thức đã học, tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ: có thể giới thiệu cuộc đấu tranh trên quy mô lớn hoặc cuộc đấu tranh ở một địa phương. Ví dụ: HS có thể sưu tầm tư liệu, trình bày về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc tại mặt trận Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng,... hoặc cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc vùng biên giới phía Nam trên địa bàn tỉnh An Giang,...

HS có thể lồng ghép thực hiện cả hai nhiệm vụ vào một bài giới thiệu.

– HS báo cáo kết quả thực hiện có thể theo một hình thức tuỳ chọn: bài báo cáo, thuyết trình, clip,…

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp lại bài giới thiệu vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét và chốt lại nội dung chính theo hướng mở.

Gợi ý:

Bài giới thiệu trình bày theo dàn ý sau:

– Những nét chính về bối cảnh, nội dung, kết quả và ý nghĩa của sự kiện.

– Lựa chọn phân tích một trong các bài học theo gợi ý: Bài học đó là gì? Ngày nay, có thể vận dụng bài học đó trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ra sao? Cần làm gì để phát huy bài học đó một cách hiệu quả?...

CHỦ ĐỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

BÀI 10. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh, …), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước: trân trọng những thành tựu của đất nước trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay.

– Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tư liệu lịch sử: hình ảnh, tư liệu trích từ *Văn kiện Đảng toàn tập*,...

– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*

– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn tìm hiểu, khám phá về nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay; đồng thời giúp GV có thể dẫn dắt giới thiệu bài học một cách sinh động, hấp dẫn.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin phần Mở đầu và quan sát Hình 1 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Hình 1 gợi cho em suy nghĩ gì về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học và nêu yêu cầu định hướng của bài học: Công cuộc Đổi mới đất nước của Việt Nam trải qua mấy giai đoạn? Nội

dung chính của mỗi giai đoạn là gì?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung của giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986 – 1995)

a) Mục tiêu

Trình bày được những nội dung chính của giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác Tư liệu 1 và thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1986 – 1995.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân khai thác thông tin trong mục và tìm những cụm từ trong Tư liệu 1 thể hiện nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1986 – 1995, ghi ra giấy.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, đặt câu hỏi và bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại các nội dung chính về đường lối đổi mới giai đoạn 1986 – 1995: đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), tiếp tục được bổ sung tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng.

– Trọng tâm là đổi mới kinh tế:

+ Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quảnlí kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

+ Phát triển kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn gồm: Lương thực – Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu.

+ Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế – xã hội, phấn đấu bắt đầu có tích luỹ nội bộ từ nền kinh tế, từng bước đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

– Đổi mới toàn diện và đồng bộ:

+ Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, văn hoá – xã hội, chú trọng nhân tố con người. Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu

+ Đổi mới chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc. Tiến hành đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng vừa phát huy quyền làm chủ của người dân, vừa phát huy quyền lực của cơ quan Nhà nước.

* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đặt ra các câu hỏi mở rộng để phát triển tư duy cho HS: *Việc đề ra đường lối đổi mới của Đảng đã khẳng định điều gì?* (Gợi ý: khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng); *Giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới đã có ý nghĩa như thế nào đối với giai đoạn tiếp theo?* (Gợi ý: giai đoạn này đã tạo cơ sở để đất nước bước vào giai đoạn tiếp theo của sự nghiệp đổi mới toàn diện hơn).

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung của giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)

a) Mục tiêu

Trình bày được những nội dung chính của công cuộc Đổi mới đất nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế (1996 – 2006).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác Tư liệu 2 và thông tin trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu nội dung chính của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; tìm những cụm từ trong Tư liệu 2 thể hiện nội dung chính của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác đặt câu hỏi, nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, bổ sung và chốt lại ý về nội dung chính của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006:

– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kì mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

– Các đại hội tiếp theo trong giai đoạn 1996 – 2006 tiếp tục đề ra đường lối đổi mới trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng và đối ngoại nhằm phù hợp với tình hình đất nước.

+ Về kinh tế: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở – vật chất, công nghệ cho nền kinh tế. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

+ Về chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng: Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Nhấn mạnh phát triển giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ là quốc sách hàng đầu. Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo,… Xây dựng và tăng cường an ninh – quốc phòng.

+ Về đối ngoại: Đặt trọng tâm chủ trương "hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực", nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đặt ra một số câu hỏi mở rộng để phát triển tư duy cho HS*: Tại sao giai đoạn 1996 – 2006, Đảng ta chủ trương thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước?* (Gợi ý: Những thành tựu đạt được trong giai đoạn 1986 – 1995 đã đưa đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội… Tuy nhiên để tiếp tục đưa đất nước phát triển, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội thì tất yếu phải thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nền kinh tế theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới); *Nêu nhận xét về nội dung đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006* (Gợi ý: Là sự tiếp tục kế thừa và phát triển đường lối đổi mới giai đoạn 1986 – 1995. Trong đó, kế thừa: tiếp tục phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lí của Nhà nước,…; phát triển: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (coi đó là nhiệm vụ trọng tâm),…); *Công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006 có ý nghĩa như thế nào đối với giai đoạn tiếp theo?* (Gợi ý: Giai đoạn này đã tạo nền tảng cho Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hoá – hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giai đoạn tiếp theo).

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung của giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 – nay)

a) Mục tiêu

Trình bày được nội dung chính của giai đoạn tiếp tục công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 – nay).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu: *Nêu nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 2006 đến nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong SGK cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp, GV nhận xét, bổ sung và chốt lại ý chính.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các nội dung chính:

– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng.

– Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay:

+ Về kinh tế: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

+ Về chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.

+ Về đối ngoại: Chuyển từ "hội nhập kinh tế quốc tế " sang "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng", mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá lại kiến thức trên cơ sở các kiến thức đã lĩnh hội trong bài học.

b) Tổ chức thực hiện

Lập bảng hệ thống tóm tắt (theo gợi ý dưới đây vào vở) về nội dung chính của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng hệ thống tóm tắt (theo gợi ý dưới đây vào vở) về nội dung chính của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay*.

Giai đoạn	**1986 – 1995**	**1996 – 2006**	**2006 – nay**
Nội dung chính	?	?	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học trong SGK để hoàn thành bảng hệ thống.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG HỆ THỐNG

STT	Nội dung	Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung	
2	Đúng, đủ các giai đoạn và các từ khóa	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về nội dung chính của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao, thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Viết một bài giới thiệu ngắn về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay và nêu cảm nghĩ của em.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa kiến thức đã học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo bài giới thiệu trước lớp vào thời gian theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt kiến thức theo hướng mở.

Gợi ý: HS có thể lựa chọn giới thiệu nội dung đường lối đổi mới trên một lĩnh vực: kinh tế, đối ngoại, an ninh – quốc phòng,... Trong mỗi lĩnh vực, nhấn mạnh được sự phát triển ở giai đoạn sau so với giai đoạn trước cho phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế nhưng vẫn đảm bảo không thay đổi về mục tiêu so với ban đầu.

BÀI 11. THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIfiT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.

– Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những

nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc nêu được một số bài học kinh nghiệm về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước: trân trọng những thành tựu của đất nước trong công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay.
– Trách nhiệm: có ý thức trách nhiệm trong đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tư liệu về các thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.
– Phiếu học tập cho HS.

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
– Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Mục tiêu của hoạt động mở đầu là tạo sự hứng thú và kích thích HS muốn khám phá về thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay. Đồng thời giúp GV có thể dẫn dắt vào bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và thực hiện nhiệm vụ:
– Quan sát hình ảnh về Thủ đô Hà Nội vào đầu những năm 80 của thế kỉ XX (trước Đổi mới) mà GV cung cấp và Hình 1. Một góc Thủ đô Hà Nội ngày nay trong SGK.
– Trả lời các câu hỏi:
+ Em có nhận xét gì về Thủ đô Hà Nội qua hai hình ảnh đó?
+ Em còn biết những thành tựu nào khác của công cuộc Đổi mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV chia sẻ và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Căn cứ vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về thành tựu cơ bản trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam

a) Mục tiêu

Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trên một lĩnh vực.

+ Nhóm 1. *Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực kinh tế.*

+ Nhóm 2. *Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng.*

+ Nhóm 3. *Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực văn hoá – xã hội.*

+ Nhóm 4. *Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu trên lĩnh vực hội nhập quốc tế.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– HS làm việc cá nhân khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, liệt kê những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam ở lĩnh vực mà nhóm mình được giao tìm hiểu.

– Sau đó, HS thảo luận nhóm để thống nhất ý kiến và cách trình bày sơ đồ tư duy hoặc Phiếu học tập.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV lần lượt gọi đại diện các nhóm lên bảng trình bày (nói, viết bảng hoặc trình chiếu và giới thiệu sản phẩm) kết quả thảo luận của nhóm. Các nhóm khác lắng nghe và có thể bổ sung ý kiến.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét sản phẩm làm việc của các nhóm, chốt lại các thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực: Công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (từ năm 1986 đến nay) đã đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

– Kinh tế:

+ Có sự chuyển đổi từ mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

+ Trong suốt quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã vươn lên thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Nền kinh tế không chỉ tăng trưởng về quy mô mà chất lượng tăng trưởng cũng được cải thiện, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng.

– Chính trị, an ninh – quốc phòng:

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

+ Những thành tựu đó đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hoà bình cho công cuộc xây dựng, công cuộc Đổi mới của Việt Nam.

– Văn hoá – xã hội: Công cuộc xoá đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công, đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được

cải thiện và không ngừng nâng cao.
– Hội nhập quốc tế: Quá trình hội nhập quốc tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng về hội nhập chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng, văn hoá và các lĩnh vực khác
+ Hội nhập về chính trị, an ninh – quốc phòng: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần củng cố và phát triển nền tảng vững chắc cho hội nhập trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục.
+ Việt Nam tăng cường tin cậy chính trị và đan xen lợi ích giữa Việt Nam với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Các đối tác đều coi trọng, tín nhiệm và mong muốn tăng cường quan hệ với Việt Nam.
+ Việt Nam đã chủ động đảm đương và tích cực đóng góp cho hoà bình, ổn định, phát triển ở khu vực và toàn cầu. Điểm rất mới trong thời gian qua là những đóng góp của Việt Nam cho Lực lượng Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc. Từ đó, Việt Nam đã khẳng định được vai trò rất quan trọng của đối ngoại quốc phòng, an ninh của Việt Nam và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, đóng góp tích cực vào việc duy trì hoà bình, ổn định, an ninh khu vực và quốc tế, đồng thời góp phần tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
+ Hội nhập về kinh tế: Hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã và đang trở thành một trong những nền kinh tế hội nhập toàn diện nhất thế giới qua các cấp độ (song phương, đa phương, khu vực) và theo các hình thức, khuôn khổ khác nhau, đối tác chiến lược, hiệp định (thương mại, đầu tư, môi trường), diễn đàn (APEC, ASEM,...), tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế,...), trong đó, việc trở thành thành viên WTO là sự kiện quan trọng nhất đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, mở ra một giai đoạn mới: nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới.
+ Hội nhập về văn hoá và các lĩnh vực khác:
Thành tựu nổi bật của hợp tác quốc tế về văn hoá là đã triển khai toàn diện các lĩnh vực hợp tác, giao lưu văn hoá, thông tin đối ngoại, mở rộng quan hệ ở nhiều địa bàn, từng bước phát triển sang tất cả các châu lục. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, con người và cuộc sống Việt Nam được bạn bè thế giới hiểu biết rõ hơn.
Trong giáo dục, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục với các quốc gia trên thế giới và vùng lãnh thổ, đồng thời là thành viên tích cực của các tổ chức giáo dục quốc tế.
Trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, việc hợp tác nghiên cứu diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Tính đến năm 2020, Việt Nam là thành viên của gần 100 tổ chức quốc tế về khoa học – công nghệ; có quan hệ về hợp tác khoa học – công nghệ với hơn 90 quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế; hơn 80 điều ước, thỏa thuận quốc tế về hợp tác khoa học – công nghệ cấp Chính phủ, cấp Bộ đã được kí kết và thực hiện.
Hợp tác trong y tế, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,… cũng ngày càng rộng mở và đạt nhiều thành tựu.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam

a) Mục tiêu

Nêu được những bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến

nay.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK, liên hệ với những thành tựu đã đạt được của Việt Nam để trả lời câu hỏi: *Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã để lại những bài học kinh nghiệm nào?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trả lời trước lớp, HS khác bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các bài học chính: Từ thực tiễn của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

– Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

– Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

– Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

– Thứ tư: Kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã được lĩnh hội ở bài học bằng bảng thống kê, góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Câu 1. *Lập và hoàn thành nội dung bảng hệ thống (theo gợi ý sau vào vở).*

Lĩnh vực	**Thành tựu nổi bật**
Kinh tế	
Chính trị, an ninh – quốc phòng	
Văn hoá – xã hội	
Hội nhập quốc tế	

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập và hoàn thành nội dung bảng hệ thống (theo gợi ý sau vào vở) về thành tựu trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học cũng như hiểu biết của cá nhân để hoàn thành bảng thống kê.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.

– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	**Nội dung**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**

1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ tên các các lĩnh vực.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về thành tựu trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.
Câu 2. *Lựa chọn một bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay) mà em tâm đắc và giải thích vì sao.*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân ở lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Lựa chọn một bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay) mà em tâm đắc và giải thích vì sao.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào những kiến thức đã học để đưa ra những lập luận để bày tỏ quan điểm của mình.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức cho HS. Nhiệm vụ này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.
Gợi ý: HS có thể lựa chọn một bài học kinh nghiệm bất kì. Điều quan trọng nhất là lí giải được: Bài học đó có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc Đổi mới? (Bài học đó đã mang lại những thành tựu gì? Giá trị của bài học đó đối với thực tiễn? Bài học đó có ích với em ở phương diện nào?,…). Các câu trả lời đó cũng chính là lí do để giải thích vì sao lại tâm đắc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu
HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao là sưu tầm tư liệu từ các nguồn để xây dựng inforgraphic giới thiệu thành tựu nổi bật của thời kì Đổi mới ở Việt Nam hoặc địa phương em. Thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết một nhiệm vụ trong thực tiễn cuộc sống.
b) Tổ chức thực hiện
Câu 1. *Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh từ sách, báo và internet về thành tựu nổi bật của thời kì Đổi mới ở Việt Nam và xây dựng inforgraphic giới thiệu về thành tựu đó.*
Câu 2. *Tìm hiểu và giới thiệu một số thành tựu nổi bật kinh tế – xã hội ở địa phương em sinh sống (tỉnh, thành phố) trong công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay).*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:
– Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh từ sách, báo và internet về thành tựu nổi bật của thời kì Đổi mới ở Việt Nam và xây dựng inforgraphic giới thiệu về thành tựu đó.
– Tìm hiểu và giới thiệu một số thành tựu nổi bật kinh tế – xã hội ở địa phương em sinh sống (tỉnh, thành phố) trong công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay).
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ báo cáo kết quả trước lớp vào thời gian theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, chốt lại kiến thức cho HS theo hướng mở.
Gợi ý: Bài giới thiệu về thành tựu của địa phương hay của cả nước thì đều cần thể hiện được những nội dung sau:
– Những thành tựu nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,….
– Ý nghĩa của thành tựu đó.
– Là một học sinh, em có thể làm được gì để góp phần vào sự phát triển đất nước hoặc địa phương? ...

LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIfiT NAM

CHỦ ĐỀ THỜI CẬN – HIfiN ĐẠI

BÀI 12. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIfiT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

3. Về phẩm chất

– Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử.
– Yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Bản đồ thế giới (có thể sử dụng quả địa cầu).
– Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về hoạt động đối ngoại của các cá nhân, các tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Phiếu học tập cho HS
– Máy tính, máy chiếu,…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
– Một số tranh ảnh, tư liệu,… liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945), đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, quan sát Hình 1 trong phần Mở đầu và thực hiện yêu cầu: *Hãy chia sẻ một số hiểu biết của em về những hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh

a) Mục tiêu

Nêu được hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, chia lớp thành 4 nhóm để tìm hiểu hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

– Nhóm 1, 2: *Tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Bội Châu.*
– Nhóm 3, 4: *Tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Châu Trinh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu hoặc Phan Châu Trinh.
– Sau đó, HS thảo luận với bạn trong nhóm để thống nhất nội dung trả lời.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện các nhóm HS trình bày phần làm việc của mình trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc và câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nội dung chính:

– Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc với mục đích tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.
+ Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ cho công cuộc cứu nước; ông đưa 200 thanh niên Việt Nam sang học tập ở các trường tư thục khác nhau. Năm 1908, Phan

Bội Châu tham gia thành lập các tổ chức có mục tiêu đoàn kết quốc tế để hợp sức chống đế quốc.
+ Năm 1911, Phan Bội Châu quyết định về hoạt động ở Trung Quốc và đầu năm 1912, Phan Bội Châu tham gia thành lập một số tổ chức, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Phan Bội Châu cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,… để tìm kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp Việt Nam.
– Hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh diễn ra chủ yếu ở Pháp (ông sang Pháp từ năm 1911) với mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.
+ Tiếp xúc với một số nhóm Việt kiều, tổ chức, đảng phái tiến bộ. Nhiều lần gửi kiến nghị đến Hội Nhân quyền Pháp, đến các thành viên của Chính phủ Pháp…, phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.
+ Với chủ trương "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", Phan Châu Trinh đã đi nhiều nơi với mục đích xem xét tình hình nhân dân, sĩ khí và tìm bạn đồng chí hướng.
Ở Nhật, ông tiếp xúc với nhiều nhà chính trị, sau đó sang Pháp, tiếp tục đấu tranh, lên tiếng tố cáo chế độ thuộc địa.
Ông nhiều lần gửi kiến nghị Hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp, gửi kiến nghị cho An-be Xa-rô lúc đó sắp sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương,....
Phan Châu Trinh tìm cách liên hệ với những người trong Liên minh Nhân quyền và Đảng Xã hội Pháp, tiếp xúc với các nhóm Việt kiều và các đảng phái tiến bộ, tổ chức nhiều buổi diễn thuyết phê phán sự bất công của chính quyền thực dân, đánh động dư luận Pháp về tình hình ở Việt Nam.
+ Ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức yêu nước Việt Nam tại Pháp, tham gia nhóm soạn thảo Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc–xai.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương

a) Mục tiêu

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương.

b) Tổ chức thực hiện

Mục a. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ trục thời gian tóm tắt những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:
– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và liên hệ với kiến thức lịch sử Việt Nam đã học, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.
– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến và cách trình bày trên trục thời gian.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày và giới thiệu trục thời gian trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Nhận xét, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc cặp đôi, chốt lại các nội dung chính: Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 đến 1930.

– Trong những năm 1911 – 1922, Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp:
+ Gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu.
+ Năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
+ Năm 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Trên cương vị Trưởng ban Nghiên cứu về Đông Dương thuộc Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.
– Trong những năm 1923 – 1930, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc diễn ra chủ yếu ở Liên Xô và Trung Quốc:
+ Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Tại những diễn đàn này, Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm về vai trò của cách mạng thuộc địa, về lực lượng cách mạng ở thuộc địa, về quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc với thuộc địa,... Bằng những hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc chính thức xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.
+ Từ cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), liên lạc với lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á và Trung Quốc, mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam. Trong các bài giảng, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn kết và tập hợp lực lượng quốc tế.

Mục b. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục, thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1945*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1945.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS để trả lời trước lớp . Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các nội dung chính: Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945): Trong những năm 1930 – 1945, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ yếu phục vụ cho cuộc đấu tranh chống thực dân, phát xít, tiến tới giành độc lập, tự do, góp phần bảo vệ hoà bình:
– Là một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tổ chức nhiều hoạt động ủng hộ Liên Xô; phối hợp với các tổ chức của người Pháp, người Hoa ở Đông Dương tiến hành quyên góp giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Trung Quốc.
– Đảng Cộng sản Đông Dương tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc.
– Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,...
– Thông qua Mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật

Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá lại những kiến thức, nội dung đã được tìm hiểu trong bài học.

b) Tổ chức thực hiện

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Hoàn thành bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của cá nhân, tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

Cá nhân/tổ chức	Hoạt động chủ yếu
Phan Bội Châu	?
Phan Châu Trinh	?
Nguyễn Ái Quốc	?
Đảng Cộng sản Đông Dương	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào kiến thức đã được học để hoàn thành bảng thống kê.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
– Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.
– GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

STT	Nội dung	Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)
1	Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung.	
2	Đúng, đủ tên các tổ chức, cá nhân.	
3	Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của cá nhân, tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.	

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu
– Phát triển kĩ năng thu thập các nguồn tư liệu đáng tin cậy từ sách, báo và internet, đảm bảo rằng các nguồn đang sử dụng là từ các nhà xuất bản, tác giả có uy tín và liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu.
– Phát triển kĩ năng tư duy phản biện qua việc xây dựng các lập luận mạch lạc, sử dụng bằng chứng một cách hiệu quả cho các phân tích của mình.
– Phát triển khả năng viết bài có cấu trúc rõ ràng, mạch lạc, hợp lí với mở bài, thân bài, kết luận.
b) Tổ chức thực hiện
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu mà Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện từ năm 1911 đến năm 1945 và ý nghĩa của những hoạt động đó.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào kiến thức đã được học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ báo cáo kết quả hoặc nộp lại bài viết cho GV vào thời gian mà GV quy định.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
Gợi ý:
– Giới thiệu vài nét về Nguyễn Ái Quốc và hành trình hoạt động cách mạng từ năm 1911 đến

năm 1930.
– Kể một số hoạt động đối ngoại tiêu biểu: Diễn ra tại đâu? Mục đích?
– Ý nghĩa của những hoạt động đối ngoại đó.
– Em rút ra được điều gì? …

BÀI 13. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIfiT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945–1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).
– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).
+ Năng lực vận dụng kĩ năng, kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

3. Về phẩm chất

– Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử.
– Yêu nước: Lòng yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).
– Phiếu học tập, trong đó có thể nêu các câu hỏi hoặc các gợi ý thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).
– Máy tính, máy chiếu,…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*

– Một số tranh ảnh, tư liệu liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin, quan sát Hình 1 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em biết những hoạt động đối ngoại nào của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 –1975)?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh, thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

a) Mục tiêu

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS hoạt động nhóm, chia lớp thành 3 nhóm, khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp và ý nghĩa của các hoạt động đó.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp.

– Sau đó, từng nhóm thảo luận với nhau để thống nhất: những hoạt động đối ngoại chủ yếu và ý nghĩa của những hoạt động đó.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét nhận xét và chốt lại các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):

– Chính phủ Việt Nam đã gửi thư, công hàm đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc và các nước lớn công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– Với Trung Hoa Dân quốc, với Pháp, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược hoà hoãn để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng; đồng thời, luôn thể hiện thiện chí hoà bình với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp.
– Việt Nam nỗ lực mở các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thông tin ở một số nước trên thế giới.
– Năm 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.
– Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.
– Nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp gỡ đại diện nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Uỷ ban Bảo vệ hoà bình thế giới.
– Năm 1954, tham gia Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kiên trì đấu tranh bảo vệ các lợi ích chính đáng của ba nước Đông Dương.

* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: *Em hãy giải thích tại sao các hoạt động đối ngoại của Việt Nam lại có vai trò quan trọng đối với việc đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng?* (*Gợi ý:* Hoạt động đối ngoại của Việt Nam nhằm thêm bạn, bớt thù, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cuộc kháng chiến; góp phần cô lập kẻ thù của nhân dân Việt Nam; nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, tuyên truyền về tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến…).

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)

a) Mục tiêu

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại các nội dung chính về hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975):
– Hoạt động đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tập trung đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thông qua việc phối hợp với các tổ chức quốc tế.
– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà củng cố, tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô, Trung Quốc, vận động các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Lào, xây dựng quan hệ láng

giềng hữu nghị với Cam-pu-chia; đồng thời, phát triển mối quan hệ liên minh chiến đấu chống các lực lượng yêu nước, kháng chiến của Lào, Cam-pu-chia.
– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ủng hộ cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh.
– Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tích cực lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến.
– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược "vừa đánh, vừa đàm", nỗ lực thúc đẩy Hội nghị Pa-ri. Ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết và Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.
* Bước 5: Mở rộng
GV có thể linh hoạt đặt câu hỏi mở rộng xen kẽ khi tổ chức dạy học các nội dung chính:
+ Em hãy trình bày và phân tích các hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam trên bàn đàm phán tại Hội nghị Pa-ri và sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết (*Gợi ý:* Với chủ trương linh hoạt trong sách lược, Nhà nước Việt Nam lần lượt đưa các phương án từ cao tới thấp để tập trung giải quyết những vấn đề mấu chốt. Ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết và Việt Nam đã đạt được các mục tiêu quan trọng nhất. Trong quá trình thực hiện Hiệp định, Nhà nước Việt Nam phê phán các hành động phá hoại Hiệp định của chính quyền Sài Gòn, đòi Hoa Kì chấm dứt viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hoà, từng bước chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975).
+ Hãy so sánh về kết quả của Hội nghị Giơ-ne-vơ với Hội nghị Pa-ri (*Gợi ý:* Hội nghị Giơ-ne-vơ và Hội nghị Pa-ri đều có mục tiêu giải quyết các xung đột ở Đông Dương và Việt Nam. Với Hội nghị Giơ-ne-vơ, Chính phủ Pháp đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, thừa nhận quân đội Pháp sẽ rút khỏi Việt Nam,... Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam mặc dù chưa kết thúc nhưng miền Bắc được giải phóng làm hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam sau này. Với Hội nghị Pa-ri, Mỹ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Mỹ rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Việc Mỹ rút hết quân đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho công cuộc thống nhất đất nước của Việt Nam. Như vậy, kết quả Hội nghị Pa-ri đạt được triệt để hơn).
+ Nguyên nhân chính dẫn đến sự thành công của các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ là gì? (*Gợi ý:* luôn gắn với tính chính nghĩa cuộc kháng chiến, gắn với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và quyền tự quyết, có phương pháp tiến hành đúng đắn,…).
+ Em hãy phân tích một số đặc điểm trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì này (*Gợi ý:* Hoạt động đối ngoại được kết hợp chặt chẽ với mặt trận chính trị, quân sự; giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ trong hoạt động đối ngoại; phối hợp chặt chẽ các mũi hoạt động đối ngoại khác nhau…).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu
Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, khái quát hoá kiến thức được lĩnh hội ở bài học trong một bảng hệ thống.
b) Tổ chức thực hiện
GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam*

Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1975).

Giai đoạn	Hoạt động đối ngoại chủ yếu
Kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)	
Kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)	

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành bảng thống kê theo gợi ý.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
– HS nộp lại sản phẩm cho GV vào buổi học sau.
– GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần làm việc ở nhà của HS.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu
HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để làm rõ những bài học rút ra từ hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975); từ đó, góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải thích một vấn đề lịch sử.
b) Tổ chức thực hiện
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về những bài học rút ra từ hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975). Theo em, bài học nào có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay?*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào kiến thức đã được học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu, trong đó có nêu được bài học có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ báo cáo kết quả hoặc nộp lại bài viết cho GV vào thời gian mà GV quy định.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
Gợi ý:
– Nêu một số hoạt động đối ngoại tiêu biểu (nội dung chính, mục đích, ý nghĩa).
– Khái quát được một số bài học kinh nghiệm như:
+ Nhận thức, đánh giá đúng về tình hình thế giới và về quan hệ quốc tế để triển khai các hoạt động đối ngoại phù hợp.
+ Làm cho mình có nhiều bạn bè và ít kẻ thù hơn bao giờ hết.
+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhiều hướng đối ngoại khác nhau, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp.
+ Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.
+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
+ Đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu.
– Các bài học kinh nghiệm nêu trên đều có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại ở thời kì hiện tại, song bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu là hai bài học tổng quát nhất, bao trùm nhất, có ý nghĩa nhất khi vận dụng vào hoạt động đối ngoại ngày nay.

BÀI 14. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIfiT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975
– 1985.
– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ 1975 đến nay.
+ Năng lực vận dụng kiến thức đã học để lí giải về yêu cầu, cơ sở, sự phát triển của các hoạt động đối ngoại mà Việt Nam tiến hành từ năm 1975 đến nay; từ đó có những việc làm góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

3. Về phẩm chất

– Trung thực: học tập, cầu thị, cầu tiến bộ.
– Trách nhiệm: Có khát khao tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, nhất là lịch sử các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.
– Yêu nước: Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, từ đó hình thành ý thức quảng bá hình ảnh đất nước ra khu vực, thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Bản đồ thế giới (có thể sử dụng quả địa cầu).
– Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.
– Phiếu học tập trong đó có thể nêu các câu hỏi hoặc các gợi ý thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.
– Máy tính, máy chiếu…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
– Một số tranh ảnh, tư liệu,… liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985 và từ năm 1986 đến nay, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1 và đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em biết những hoạt động đối ngoại chủ yếu nào của Việt Nam từ năm 1975 đến nay?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

a) Mục tiêu

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

– Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.

– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1– 2 HS cặp đôi trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS, chốt lại các nội dung chính về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985**:**

– Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế; coi trọng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô; đàm phán với Trung Quốc để giải quyết các xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải. Đặc biệt, Việt Nam coi quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô "là nguyên tắc, là chiến lược" trong hoạt động đối ngoại, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

– Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á, sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác, cùng tồn tại hoà bình và phát triển với các nước thành viên ASEAN; phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với Lào, Cam-pu-chia.

– Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực:

+ Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo...; góp phần đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, gia nhập các tổ chức quốc

tế,...
+ Tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của Phong trào Không liên kết trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình.
* Bước 5: Mở rộng
– GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Phân tích ý nghĩa các hoạt động đối ngoại mà Việt Nam tiến hành trong giai đoạn 1975 – 1985 đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* (Gợi ý: Các hoạt động đối ngoại này làm giảm căng thẳng, thúc đẩy hợp tác và mở ra cơ hội cho Việt Nam tham gia các hoạt động kinh tế và chính trị trong khu vực; tạo điều kiện để Việt Nam xây dựng mối quan hệ tích cực với các nước láng giềng và các tổ chức khu vực; góp phần cho sự ổn định và phát triển của Việt Nam và của khu vực,…).

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

a) Mục tiêu

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay).

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục, thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:
Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
– Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét hoạt động của HS và chốt lại các nội dung chính về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới từ năm 1986 đến nay:
– Việt Nam nỗ lực phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng; trong đó trọng tâm là giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, sau đó bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, với Mỹ và gia nhập ASEAN.
– Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác; theo đó, quan hệ với phần lớn các nước trên thế giới đã từng bước được cải thiện và mở rộng; đồng thời, nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với một số nước.
– Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế; triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương với đối tác trọng tâm có tầm ảnh hưởng.
– Triển khai các hoạt động đối ngoại bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc thông qua việc tham gia đàm phán và kí kết các thoả thuận, các hiệp định về phân định biên giới trên bộ, trên biển.
– Việt Nam tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hoá và hỗ trợ nhân đạo, cam kết tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy gắn kết với các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua giao lưu văn hoá.
Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh

tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

* Bước 5: Mở rộng

– GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Theo em, nguyên nhân dẫn đến sự thành công trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới là gì?* (*Gợi ý:* Đổi mới tư duy đối ngoại, đưa ra chủ trương, chính sách đối ngoại phù hợp với những diễn biến của tình hình quốc tế; xác định đúng các yêu cầu đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng đất nước; từ đó, có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời đường lối đối ngoại; không ngừng nâng cao thực lực đất nước; linh hoạt trong tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, khái quát hoá kiến thức đã lĩnh hội ở bài học trong một bảng hệ thống; phát triển năng lực tư duy khi phân tích, tổng hợp kiến thức lịch sử, từ đó, có khả năng lựa chọn, đưa ra các dẫn chứng phù hợp với nhận định.

b) Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1. *Lập bảng hệ thống về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985.*

Hoạt động đối ngoại chủ yếu	Những nét chính
Với các nước xã hội chủ nghĩa	?
Với các nước Đông Nam Á	?
Với các tổ chức quốc tế và các nước khác	?

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng hệ thống về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành bảng thống kê theo gợi ý.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– HS nộp lại sản phẩm cho GV vào buổi học sau.

– GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc ở nhà của HS và chốt lại kiến thức chính cho HS ghi nhớ. ***Câu 2.*** *Tìm những dẫn chứng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay để làm rõ nhận định: Hoạt động đối ngoại đã và đang góp phần quan trọng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm ở lớp, chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thảo luận để tìm ra dẫn chứng cho nhận định: *Hoạt động đối ngoại đã và đang góp phần quan trọng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, thảo luận, đưa ra dẫn chứng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay để làm rõ được nhận định trên.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của mình. Các nhóm HS khác phản biện,

đặt câu hỏi và bổ sung.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.
– Lưu ý: câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.
Gợi ý:
+ Việt Nam tham gia nhiều tổ chức kinh tế khu vực, quốc tế và với tư cách thành viên của ASEAN (từ năm 1995) và WTO (từ năm 2007) đã tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế và nâng cao vị thế của đất nước.
+ Sự tham gia của Việt Nam vào nhiều tổ chức toàn cầu khác nhau thể hiện cam kết của Việt Nam đối với các chuẩn mực quốc tế, nỗ lực gìn giữ hoà bình và quản trị toàn cầu (dẫn chứng); từ đó, không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.
+ Việt Nam đã phát triển quan hệ song phương mạnh mẽ với nhiều quốc gia trên thế giới (dẫn chứng).
+ Việt Nam đóng vai trò tích cực tại các diễn đàn, sáng kiến khu vực, thể hiện vai trò lãnh đạo trong ASEAN. Việt Nam đã tham gia giải quyết các thách thức khu vực, thúc đẩy hợp tác kinh tế và góp phần duy trì hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á (dẫn chứng).
+ Việt Nam đã tích cực thực hiện ngoại giao văn hoá, tổ chức các sự kiện quốc tế và tham gia giao lưu văn hoá quốc tế (dẫn chứng). Điều này đã góp phần tạo dựng hình ảnh tích cực của Việt Nam trên trường quốc tế và nâng cao quyền lực "mềm" của đất nước.
+ Việt Nam đã tham gia cung cấp hỗ trợ nhân đạo cho các quốc gia khác, đặc biệt là khắc phục hậu quả của thiên tai (dẫn chứng), tham gia các sứ mệnh gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, thể hiện thiện chí, trách nhiệm của Việt Nam trong việc đóng góp cho hoà bình và an ninh quốc tế.
+ Việt Nam còn tham gia vào các dự án hợp tác phát triển ở nhiều nước, góp phần tạo dựng hình ảnh tích cực của mình trên toàn cầu. Phản ứng hiệu quả của Việt Nam trước các thách thức toàn cầu, như đại dịch COVID – 19, đã nhận được sự công nhận của quốc tế. Cách tiếp cận chủ động và linh hoạt của Việt Nam trong xử lí khủng hoảng đã nâng cao vị thế của đất nước trong khu vực và toàn cầu.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu
– HS phát triển kĩ năng thu thập các nguồn tư liệu đáng tin cậy từ sách, báo và internet về nội dung liên quan trực tiếp đến bài học; biết phân tích và tổng hợp để nhận xét, đánh giá về một số hoạt động cụ thể ở trường hoặc địa phương; góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn.
– HS phát triển năng lực tư duy lô gíc qua việc xây dựng các lập luận mạch lạc, sử dụng bằng chứng một cách hiệu quả cho các phân tích của mình.
b) Tổ chức thực hiện
Câu 1. *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một hoạt động đối ngoại của Việt Nam mà em ấn tượng nhất.*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một hoạt động đối ngoại của Việt Nam mà em ấn tượng nhất.*
– Lưu ý: GV cần có những gợi ý cụ thể và yêu cầu rõ ràng về dung lượng và chất lượng của sản phẩm.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
Gợi ý: Một hoạt động đối ngoại tiêu biểu như: bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, bình thường hoá quan hệ với Mỹ, giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, gia nhập ASEAN, gia nhập APEC…Ví dụ:
– Việt Nam bình thường hoá quan hệ với Mỹ:
+ Cột mốc lịch sử này đạt được vào năm 1995, đánh dấu sự kết thúc hàng thập kỉ "băng giá" giữa hai quốc gia, mở ra một kỉ nguyên mới của sự gắn kết và hợp tác.
+ Quá trình bình thường hoá là minh chứng cho sự khéo léo trong ngoại giao và cam kết của Việt Nam đối với hội nhập khu vực và toàn cầu.
+ Nêu những sự kiện quan trọng, các cuộc đàm phán ngoại giao trong quá trình bình thường hoá quan hệ với Mỹ.
+ Ý nghĩa: Đây được coi là một trong những nền tảng quan trọng cho việc mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới.
– Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO):
+ Hành trình đưa Việt Nam gia nhập WTO được đánh dấu bằng những cải cách kinh tế toàn diện, tự do hoá thương mại và nỗ lực phối hợp để phù hợp với các tiêu chuẩn thương mại quốc tế. Những cải cách đó nhằm tạo ra một nền kinh tế thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài và tạo thuận lợi cho quan hệ thương mại với các quốc gia trên thế giới.
+ Việc gia nhập WTO mang lại nhiều tác động tích cực đối với hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Nó giúp đất nước tăng khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao khả năng dự đoán kinh tế và tạo một nền tảng để tham gia vào các hoạt động thương mại công bằng và minh bạch.
+ Cam kết của Việt Nam đối với các nguyên tắc WTO thể hiện sự sẵn sàng tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.
+ Việc gia nhập WTO giúp Việt Nam đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, thúc đẩy đổi mới và nâng cao khả năng cạnh tranh tổng thể của các ngành công nghiệp. Đất nước chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và chuyển giao công nghệ, góp phần đáng kể vào tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong giai đoạn này.
+ Việc Việt Nam gia nhập WTO minh chứng cho chiến lược đối ngoại chủ động và thành công của đất nước trong thời kì Đổi mới, đánh dấu một bước quyết định trong thúc đẩy mở cửa kinh tế và định vị là một quốc gia tham gia công bằng vào sân chơi toàn cầu.
Câu 2. *Chia sẻ một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế.*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Chia sẻ một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
Gợi ý: Một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế: giới thiệu, quảng bá các di sản văn hoá, ẩm thực, danh lam thắng cảnh của đất nước; tham gia các cuộc thi tuyên truyền về di sản văn hoá; có những hành động thiết thực để góp phần xây dựng làng văn hoá, xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu phố văn hoá…

CHỦ ĐỀ HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

BÀI 15. KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
– Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
– Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh; nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng lòng biết ơn, ý thức trân trọng những công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Các hình ảnh, các tư liệu về Hồ Chí Minh (đã có trong nội dung chủ đề, có thể phóng to qua máy chiếu).
– Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,… về quê hương, gia đình và về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh như bộ phim tư liệu: *Hồ Chí Minh – Chân dung một con người,...*
– Phiếu học tập.
– Máy tính, máy chiếu,…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.

– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và dựa vào hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi:

– Theo em, những yếu tố nào đã góp phần tạo nên "đạo đức, trí tuệ, nhân cách" và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

– Hãy chia sẻ những điều em biết về tiến trình hoạt động cách mạng của Người.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong phần Mở đầu, huy động những hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt trả lời các câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới, nêu một số yêu cầu cần đạt chủ yếu của bài học để định hướng nhận thức cho HS.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

a) Mục tiêu

Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm đọc thông tin, khai thác hình ảnh trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nhân tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS hoạt động bằng cách như sau:

– Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào đọc thông tin trong SGK, tìm trong tư liệu 1, 2 những cụm từ liên quan:

+ Tư liệu 1: những cụm từ thể hiện hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ (bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập (chủ tư bản Pháp), đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản, đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện, kìm họ trong ngu dốt,...).

+ Tư liệu 2: thông qua những từ, cụm từ, HS nêu được nhận xét về quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh và nêu được tác động của quê hương và gia đình đến cuộc đời và sự nghiệp của Người (núi cao, sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, đất có danh tiếng, người thì thuần hoà, chăm học, sản vật thì nhiều thức quý của lạ, được khí tốt của sông núi, sinh ra nhiều bậc danh hiền, then khoá của các triều đại).

– Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận để nhận xét và trình bày được bối cảnh đất nước đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có)

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS: Các nhân tố ảnh hưởng đến cuộc đời của Hồ Chí Minh:
– Hoàn cảnh đất nước:
+ Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên truyền thống quý báu: yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...
+ Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt.
+ Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại. Đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.
– Hoàn cảnh quê hương:
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An – vùng đất "sơn thuỷ hữu tình", có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.
+ Vùng đất này đã sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá và nhà khoa bảng nổi tiếng trong lịch sử.
+ Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và thực tiễn dựng nước, giữ nước đã hun đúc nên những phẩm chất của người xứ Nghệ như: cần cù trong lao động, ý chí trong học tập và đoàn kết trong đấu tranh.
+ Thời cận đại, Nghệ An có trung tâm công nghiệp Vinh – Bến Thuỷ lớn nhất khu vực Bắc miền Trung. Vì vậy, nhân dân có nhiều cơ hội được tiếp xúc văn minh phương Tây và đón nhận tư tưởng mới.
– Hoàn cảnh gia đình:
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – một nhà nho mẫu mực, mẹ là bà Hoàng Thị Loan – một người phụ nữ đảm đang, chăm chỉ và rất am hiểu các loại hình văn hoá dân gian.
+ Sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

a) Mục tiêu
– Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
– Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.
b) Tổ chức thực hiện
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin trong SGK hoàn thành Phiếu học tập: *Tóm tắt nét cơ bản trong tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh*.

PHIẾU HỌC TẬP
Tìm hiểu nét cơ bản trong tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Những nét cơ bản
Tiểu sử	?

Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941)	?
Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 – 1969)	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Cặp đôi HS thảo luận và cùng hoàn thành Phiếu học tập theo yêu cầu.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi HS trình bày sản phẩm trước lớp. Các HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét hoạt động cặp đôi và phần trả lời câu hỏi cùng các sản phẩm của HS, sau đó chốt lại kiến thức:
– Tiểu sử, thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 – 1911):
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh (thuở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19 – 5 – 1890, quê cha ở Làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).
+ Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung theo cha về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, được theo học những thầy giáo giỏi ở địa phương.
+ Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học tại Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế. Năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha đến Bình Định và tiếp tục hoàn thành bậc Tiểu học tại Trường Pháp – Việt Quy Nhơn.
+ Sớm có tinh thần yêu nước, năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế. Cuối tháng 8 – 1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học tại Trường Dục Thanh. Tại đây, Nguyễn Tất Thành truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những trăn trở về vận mệnh của đất nước.
– Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941):
+ Từ năm 1911 đến năm 1920: Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, tích cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp. Năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam, trong đó kí tên là Nguyễn Ái Quốc. Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lê-nin. Tháng 12 – 1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.
+ Từ năm 1921 đến năm 1930:
Từ năm 1921 đến tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ,...
Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,… Từ tháng 11 – 1924 đến giữa năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên (1925),… Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm,... Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc), soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
+ Từ năm 1930 đến năm 1941: Năm 1933, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Liên Xô. Năm

1938, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc và hoạt động cách mạng ở đây. Ngày 28 – 1 – 1941, sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

– Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 – 1969):

+ Từ năm 1941 đến năm 1945: Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941). Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Tháng 8 – 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế. Tháng 9 – 1944, Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Tháng 8 – 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Từ năm 1945 đến năm 1969:

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 –1954). Tháng 1 – 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội khoá I bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951), Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tháng 10 – 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng, kiêm Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9 – 1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam. Ngày 2 – 9 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Lập trục thời gian (theo ý tưởng của em) thể hiện những nét chính về tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống lại các sự kiện để xây dựng được trục thời gian thể hiện những nét chính trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc theo nhóm ở nhà, chia lớp thành 6 nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Lập trục thời gian thể hiện những nét chính về tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– Phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên trong nhóm để chuẩn bị trước.

– Thảo luận, thống nhất cách trình bày trục thời gian và những nét chính trong tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần thể hiện trên trục.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho các nhóm HS trao đổi sản phẩm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau theo bảng kiểm dưới đây:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRỤC THỜI GIAN CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
		Các sự kiện được sắp xếp đúng theo trật tự thời gian.	1

1	Nội dung	Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	3
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Trình bày theo đúng dạng của sơ đồ trục thời gian.	2
		Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn.	1
		Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh hoạ cho thông tin.	2

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc và đánh giá sản phẩm của các nhóm HS, chuẩn kiến thức cho HS.

Gợi ý: Trên trục thời gian thể hiện được các sự kiện chính trong 4 giai đoạn hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: 1890 – 1911, 1911 – 1941, 1941 – 1945, 1945 – 1969.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao là sưu tầm tư liệu từ các nguồn (sách, báo, internet,...) để viết bài giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một nhiệm vụ học tập mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện nhiệm vụ: *Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.* GV định hướng HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng để viết bài và nộp lại.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu từ sách, báo và trên internet để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– HS nộp lại sản phẩm cho GV vào thời gian quy định.

– GV cho 1 – 2 HS chia sẻ bài giới thiệu trước lớp.

* Bước 4: Nhật xét, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức cho HS theo hướng mở.

Gợi ý:

+ Với yêu cầu thứ nhất, GV có thể gợi ý tên một số cuốn sách hoặc bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh để HS có định hướng lựa chọn. Ví dụ: một số cuốn sách viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh như: *Hành trình theo chân Bác, Hồ Chí Minh – Hành trình 79 mùa xuân, Hồ Chí Minh – Con người và sự sống, Những mẩu chuyện về phong cách Hồ Chí Minh,...*; một số bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh như: *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công, Hà Nội mùa đông năm 1946, Nhà tiên tri,...*

+ Với yêu cầu thứ hai, tuỳ theo nội dung cuốn sách hoặc bộ phim lựa chọn, HS nêu được cảm nghĩ của mình: *Thông qua cuốn sách hoặc bộ phim, em rút ra được điều gì? Em học tập được điều gì từ tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh?,...*

BÀI 16. HỒ CHÍ MINH – ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Thời gian thực hiện: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ.
– Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
– Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
– Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.
– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 –1969).

2. Về năng lực

– Năng lực chung:
+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.
– Năng lực đặc thù:
+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ; nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh; nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước; trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.

3. Về phẩm chất

Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Các hình ảnh, tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh (có thể phóng to qua máy chiếu).
– Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh như *Hồ Chí Minh: chân dung một con người, Nguyễn Ái Quốc – ẩn số từ nước Pháp, Ngọn đuốc thế kỉ, Hồ Chí Minh – bài ca tự do,…*
– Phiếu học tập.
– Máy tính, máy chiếu,…

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Mục tiêu của hoạt động này là nhằm dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS, kết nối với nội dung bài học về chân dung Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc.

b) Thực hiện nhiệm vụ

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV cho HS đọc thông tin phần mở đầu và trả lời câu hỏi: *Vì sao UNESCO lại đánh giá Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS làm việc cá nhân, dựa vào những hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi của GV.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS để trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh

a) Mục tiêu

– Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ.

– Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ:

+ Quan sát lược đồ Hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1920) và giới thiệu hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trên lược đồ.

+ Đọc thông tin và khai thác tư liệu 1, 2, hoàn thành Phiếu học tập về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc

Những sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước	?
Nội dung con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc	?
Ý nghĩa sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước	?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cặp đôi thực hiện theo trình tự như sau:

– Từng HS quan sát và xác định trên lược đồ những điểm chính trên hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh.

– Cặp đôi đọc tư liệu 1, 2 và thông tin trong mục, thảo luận nội dung để hoàn thành Phiếu học tập theo gợi ý trên.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi 1 – 2 đại diện cặp đôi lần lượt lên bảng giới thiệu hành trình của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc; trình bày Phiếu học tập và gọi 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt kiến thức:

– Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, đi qua các châu lục, tìm hiểu bản chất của chủ nghĩa thực dân và các cuộc cách mạng tư sản trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc có nhận thức rất quan trọng rằng: dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản; chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản.

– Gợi ý nội dung Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Tìm hiểu về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc

Những sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước	– Tháng 7 – 1920: Đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin. – Tháng 12 – 1920: bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
Nội dung con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc	Đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.
Ý nghĩa sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước	– Bước đầu giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. – Mở ra thời kì mới trong phong trào giải phóng dân tộc: thời kì gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới.

– Sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin và bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (1920) có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam: đánh dấu bước nhảy vọt trong tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ người yêu nước trở thành cộng sản; bước đầu giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam; mở ra cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam một giai đoạn phát triển mới: giai đoạn gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới.

* Bước 5. Mở rộng

GV có thể mở rộng cho HS bằng cách yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Vì sao Nguyễn Ái Quốc lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản?*

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Mục tiêu

– Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm chuẩn bị nội dung để thực hiện nhiệm vụ:

Nhóm 1, 2: *Khai thác thông tin và đọc tư liệu 3, lập sơ đồ tư duy về quá trình chuẩn bị chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.*

Nhóm 3, 4: *Khai thác thông tin, lập sơ đồ tư duy về quá trình chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

– Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, phác thảo một số nội dung cần trình bày.

– Sau đó, từng nhóm HS sẽ thảo luận, thống nhất những nội dung để đưa vào sơ đồ tư duy.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện nhóm HS trình bày kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– Về chính trị, tư tưởng:

+ Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân đấu tranh.

+ Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo *Le Pa-ri-a* (*Người cùng khổ*). Người viết nhiều bài trên các báo*: Nhân đạo, Đời sống công nhân,* Tạp chí *Cộng sản*, Tập san *Thư tín quốc tế*,...

+ Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc: Giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản; Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc; Khẳng định vai trò của chính đảng vô sản trong thắng lợi của cách mạng.

– Về tổ chức: Tháng 6 – 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm đào tạo những người yêu nước thành cán bộ truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, lí luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân. Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách. Hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, thảo luận theo phương pháp 5W1H để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

HS sẽ lần lượt trả lời 5 câu hỏi:

+ Who (Ai): *Ai tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?*

+ When (Khi nào): *Hội nghị thành lập Đảng diễn ra khi nào?*

+ Why (Tại sao): *Tại sao Nguyễn Ái Quốc lại triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản?*
+ Where: *Hội nghị thành lập Đảng diễn ra ở đâu?*
+ What: *Hội nghị thành lập Đảng có những nội dung gì?*
+ How: *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa như thế nào?*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động cặp đôi bằng cách như sau:
– Mỗi HS sẽ dành thời gian đọc thông tin trong SGK, phác thảo một số nội dung liên quan đến câu hỏi.
– Sau đó, cặp đôi thảo luận, thống nhất câu trả lời dựa trên các nội dung cụ thể đã tìm hiểu.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
– GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận trước lớp. HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
+ Who: Nguyễn Ái Quốc và đại biểu của hai tổ chức Cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.
+ When: Hội nghị bắt đầu ngày 6 – 1 – 1930. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng quyết định lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.
+ Why: Trong năm 1929, ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời ở Việt Nam. Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước. Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23 – 12 – 1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Công (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tiến hành Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.
+ Where: Hội nghị diễn ra ở Cửu Long (Hồng Công – Trung Quốc).
+ What: Hội nghị thảo luận năm vấn đề lớn: Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương; Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng; Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước; Cử một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.
+ How: Ý nghĩa thành lập Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam; là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận
khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.
* Bước 5. Mở rộng
GV có thể đặt thêm một số câu hỏi để mở rộng và giải thích cho HS:
– *Nguyễn Ái Quốc có quan điểm nào mới về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc?* (Nguyễn Ái Quốc thấm nhuần tư tưởng của

chủ nghĩa Mác – Lê-nin cho rằng: giữa cách mạng giải phóng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó. Tuy nhiên, vào những năm 20 của thế kỉ XX, đặc biệt sau khi Lê-nin mất, một số nhà lãnh đạo cộng sản ở chính quốc cho rằng cách mạng chính quốc thắng thì cách mạng thuộc địa mới thắng. Trái lại, Nguyễn Ái Quốc ví chủ nghĩa đế quốc là một con đỉa hai vòi, vòi này nó hút máu nhân dân thuộc địa, vòi kia hút máu giai cấp vô sản và nhân dân lao động chính quốc. Vì vậy, cần phối hợp chặt chẽ cách mạng ở chính quốc và thuộc địa để cắt cả hai vòi của con đỉa ấy. Nguyễn Ái Quốc ví chủ nghĩa tư bản như một con rắn độc, trong đó nọc độc và sức sống của nó tập trung ở các thuộc địa nhiều hơn là ở chính quốc. Người cho rằng những người coi nhẹ cách mạng thuộc địa, đề cao cách mạng chính quốc là những người "muốn đánh chết rắn đằng đuôi").

– *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có vai trò như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam? (*Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức được thành lập nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng; góp phần truyền bá lí luận giải phóng dân tộc, thúc đẩy phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản; là bước chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam).

3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu

– Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.

– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV có thể chia lớp thành 5 nhóm và sử dụng kĩ thuật mảnh ghép:

+ Vòng 1: mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ:

Nhóm 1: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941).*

Nhóm 2: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong chuẩn bị lực lượng chính trị cho cách mạng.*

Nhóm 3: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong chuẩn bị lực lượng vũ trang cho cách mạng.*

Nhóm 4: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong chuẩn bị căn cứ địa cho cách mạng.*

Nhóm 5: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

+ Vòng 2: Hình thành nhóm mới từ 3 – 6 người (1 – 2 người từ nhóm 1, 1 – 2 người từ nhóm 2, 1 – 2 người từ nhóm 3,…). Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau. Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

– Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận các vai trò cụ thể của Nguyễn Ái Quốc dựa trên các nội dung cụ thể đã tìm hiểu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét hoạt động và kết quả làm việc của các nhóm, chốt lại kiến thức: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945.
– Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941):
+ Ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 – 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
+ Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị xác định cách mạng Việt Nam hiện tại là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) và giúp đỡ nhân dân Lào, Cam- pu-chia thành lập mặt trận riêng. Hội nghị nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và xác định tiến trình cách mạng Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.
– Chỉ đạo công tác chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho Cách mạng tháng Tám năm 1945: thành lập Mặt trận Việt Minh, ra Chỉ thị thành lập Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, thành lập Khu Giải phóng Việt Bắc,…
– Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

4. Hoạt động 4: Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

a) Mục tiêu
Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 –1969).
b) Tổ chức thực hiện
Mục a. Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:
– Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, viết một số nội dung về vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) ra giấy.
– Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận thống nhất về các vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
GV nhận xét phần làm việc của các nhóm, chuẩn kiến thức cho HS về vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):
– Lãnh đạo kháng chiến trong những năm 1945 – 1946:
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã đề ra và trực tiếp thực hiện nhiều chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

+ Mặc dù *Hiệp định Sơ bộ* được kí kết nhưng thực dân Pháp bội ước, vẫn ra sức phá hoại hiệp định. Để cứu vãn tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động gặp đại diện Chính phủ Pháp và kí bản *Tạm ước* (14 – 9 – 1946) nhằm tiếp tục kéo dài thời gian hoà bình, tạo điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.
+ Đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ, đồng thời chỉ đạo công cuộc chuẩn bị lực lượng kháng chiến.
+ Khi mọi nhân nhượng của Việt Nam đã đến giới hạn cuối cùng, tối ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*
– Lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954)
+ Hoạch định đường lối, phương châm kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
+ Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951) – Đại hội kháng chiến thắng lợi.
+ Chỉ đạo các chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp.
+ Mở rộng các hoạt động ngoại giao (với nhân dân Pháp tiến bộ, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước Đông Dương).

Mục b. Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
– GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969.*
– Để HS thảo luận nhóm có hiệu quả, GV có thể đặt ra một số câu hỏi:
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò như thế nào trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc?
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò như thế nào trong huy động sự giúp đỡ từ các nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ?
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:
– Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, viết một số nội dung về vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969) ra giấy.
– Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận thống nhất về các vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969).
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
– GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
– GV nhận xét phần làm việc của các nhóm, chuẩn kiến thức cho HS: Vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969:
+ Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc: Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960). Người nêu rõ: Đại hội này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.
+ Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược:

• Giữa lúc cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, xác định phương hướng cơ bản cho cách mạng miền Nam.

• Trong những năm 1965 – 1968, đế quốc Mỹ đem quân viễn chinh và quân đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng phân tích tình hình, dự báo và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ xâm lược.

+ Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao: Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực dùng giải pháp ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của nước bạn, đóng góp vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam.

+ Những thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã đưa tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào lịch sử, trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng, của các dân tộc thuộc địa trong thế kỉ XX nói chung.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS có kĩ năng xâu chuỗi, khái quát hoá các sự kiện để nhận thức đúng và đầy đủ vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, góp phần phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử và nhận thức lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân, làm việc trên lớp hoặc ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng hệ thống hoặc sơ đồ tư duy về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khái quát lại các sự kiện về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử và lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng của mình.

* Bước 3: Báo cáo kết quả

GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau theo bảng đánh giá dưới đây: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	– Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác.	3
		– Bố cục mạch lạc, lô gíc.	2
2	Hình thức	– Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn.	3
		– Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh hoạ cho thông tin.	2

– Bước 4: Nhận xét, chốt kiến thức GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

Gợi ý: Bảng hệ thống hoặc sơ đồ tư duy cần thể hiện nét chính về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau:

1. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, chuẩn bị và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945;
3. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Câu 1. *Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết, khái quát và khẳng định chân lí lịch sử "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ về tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" trong thời đại ngày nay.*

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS tự sưu tầm và sử dụng tư liệu để chứng minh cho một tư tưởng, về sau trở thành "chân lí của thời đại"; góp phần phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để lí giải một vấn đề của thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ về tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" trong thời đại ngày nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet và thực hiện ở nhà.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày việc thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và các sản phẩm của HS.

Gợi ý:

– Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định chân lí của thời đại: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" ở thời khắc cực kì quan trọng, mang tính bước ngoặt của cách mạng Việt Nam: đế quốc Mỹ triển khai chiến lược "Chiến tranh cục bộ": leo thang chiến tranh ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ngày 17 – 7– 1966, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo *Nhân dân*, số 4484, truyền đi *Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước* của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đến đồng bào, chiến sĩ cả nước; trong lời kêu gọi lịch sử ấy, có câu nói nổi tiếng bất hủ và đã trở thành chân lí của mọi thời đại: "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa như một cuộc vận động lớn để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tộc thống nhất ý chí, thống nhất niềm tin, củng cố ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" chính là một động lực tinh thần to lớn để nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh, đánh thắng các đế quốc, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

– Ngày nay, "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" vẫn là một động lực để nhân dân Việt Nam tiến hành công cuộc bảo vệ đất nước cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước phồn vinh,...

Câu 2. *Phát biểu ý kiến của em về nhận định: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta." (Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9 – 9 – 1969).*

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Phát biểu ý kiến của em về nhận định: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta." (Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9 – 9 – 1969).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học, sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi 2 – 3 HS trình bày việc thực hiện nhiệm vụ ở nhà, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và các sản phẩm của HS.

Gợi ý: HS sử dụng thông tin trong SGK, tư liệu sưu tầm được để làm rõ:

+ Tác động của quê hương, gia đình đến tính cách và phẩm chất Chủ tịch Hồ Chí Minh,...

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời để thực hiện sứ mệnh giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân,...

Bảng kiểm tự đánh giá bài viết bày tỏ ý kiến về các nhận định trong câu 1 và câu 2 hoạt động Vận dụng.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH

STT	**Tiêu chí đánh giá**	**Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)**
1	Em đã xác định được vấn đề mà em cần bày tỏ ý kiến, quan điểm.	
2	Em đã đưa ra được ít nhất 3 luận điểm thể hiện quan điểm, ý kiến cá nhân về các nhận định đó.	
3	Những ý kiến bày tỏ của em thể hiện rõ tính đảng và tính khoa học, phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước.	

4	Đoạn văn em viết có cấu trúc rõ ràng gồm mở đầu, nội dung chính và đưa ra nhận xét cuối cùng.	
5	Các câu văn của em có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ.	
6	Đoạn văn em đã sử dụng các từ nối để liên kết các thành phần của câu và đoạn văn.	
7	Em mắc ít hơn 2 lỗi ngữ pháp và chính tả trong đoạn văn.	

BÀI 17. DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIfiT NAM

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Nêu được nguyên nhân Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam.

2. Về năng lực

– Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

– Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu nguyên nhân nhân dân thế giới và Việt Nam đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam.

3. Về phẩm chất

– Bồi dưỡng ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh

– Tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

– Các hình ảnh, tư liệu về Hồ Chí Minh (có thể phóng to qua máy chiếu).

– Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,… tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam và thế giới.

– Máy tính, máy chiếu,… (nếu có).

2. Học sinh

– SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*

– Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

a) Mục tiêu

Thông qua hoạt động mở đầu, HS có hứng thú và mong muốn tìm hiểu, khám phá về dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và nhân dân Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát hình 1 để trả lời câu hỏi: *Hình 1 gợi cho em biết điều gì?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào đoạn thông tin và hiểu biết của mình về Chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến phát biểu của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào bài học mới và nêu các câu hỏi định hướng: Vì sao thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

a) Mục tiêu

Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, hình ảnh và Tư liệu 1 trong mục để trả lời câu hỏi: *Vì sao UNESCO và nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS làm việc cá nhân, tìm ra những cụm từ trong Tư liệu 1 thể hiện những cống hiến, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO ghi nhận.

– Sau đó, cho HS làm việc cặp đôi, thảo luận về những dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi 1 – 2 HS để trả lời câu hỏi về những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO ghi nhận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi về dấu ấn của Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trả lời của HS, chốt kiến thức cho HS về những dấu ấn của Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới:

– Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) trong khoá họp lần thứ 24 tại Pa-ri (1987) đã thông qua Nghị quyết 24C/18.6.5 về Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Thế giới tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vì Người là một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

– Hiện nay, tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan, Xin-ga-po, Ấn Độ, Mông Cổ (châu Á); Pháp, Nga, Hung-ga-ri (châu Âu); Chi-lê, Ác-hen-ti-na, Cu-ba, Mê-hi-cô, Pa-na-ma (châu Mỹ);… Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố,... tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ châu Á, châu Âu đến châu Phi, châu Mỹ.

– Tại một số quốc gia, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đến và hoạt động đều có những di tích tưởng niệm như: Khách sạn Ca-tơn (Anh) – nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc và hoạt động cuối năm 1913; Nhà số 9, Thủ đô Pa-ri (Pháp) – nơi Người ở và hoạt động cách mạng những năm 1921 – 1923; Nhà số 248 và 250 (trước là nhà số 13 và 13/1) đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) – nơi Hồ Chí Minh mở các lớp đào tạo cán bộ (1925 – 1927); Khu di tích Hồ Chí Minh tại Liễu Châu, Quảng Tây (Trung Quốc),…

* Bước 5: Mở rộng

GV nhấn mạnh: Nhân dân thế giới tôn vinh, tưởng niệm Hồ Chí Minh thông qua việc xây dựng quảng trường, tượng đài, lập các di tích,... Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ các nước phát triển ở châu Âu, nhiều nước châu Mỹ, đến châu Phi xa xôi,… Điều đó không chỉ thể hiện dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới mà còn chứng tỏ mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

2. Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng nhân dân Việt Nam

a) Mục tiêu

Nêu được nguyên nhân Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ:

– Lập sơ đồ tư duy (theo ý tưởng của riêng mình) thể hiện những dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam.

– Thảo luận để trả lời câu hỏi: Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng nhân dân Việt Nam?

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

– Thảo luận và thống nhất những nội dung sẽ trình bày trên sơ đồ tư duy.

– Vẽ và hoàn thiện sơ đồ tư duy.

– Thảo luận trả lời câu hỏi: Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng nhân dân Việt Nam.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi đại diện 1 – 2 HS lên bảng trình bày và thuyết trình sơ đồ tư duy của mình.

Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

– GV gọi 2 – 3 HS trong các nhóm bất kì trả lời câu hỏi: *Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng nhân dân Việt Nam?*

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc và câu trả lời của HS và chốt kiến thức:

– Lưu ý, sơ đồ tư duy có thể được thể hiện đa dạng nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau đây:
+ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng ở Thủ đô Hà Nội.
+ Hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với 14 chi nhánh trong cả nước.
+ Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân lập ra ở nhiều địa phương trong cả nước.
+ Tuyến đường chi viện chiến lược trên biển được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.
+ Quốc hội khoá VI đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1976).
+ Người là nguồn cảm hứng sáng tác, đưa đến sự ra đời của nhiều tác phẩm âm nhạc, thơ ca, kịch, nhiếp ảnh, hội hoạ,… ở trong nước và trên thế giới.
+ Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã và đang được lan toả đến các thế hệ cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân.
– Lí do nhân dân Việt Nam tôn vinh và tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đời của Người cũng là tấm gương đạo đức sáng ngời với phong cách cá nhân độc đáo. Vì vậy, mỗi người Việt Nam đều yêu quý, kính trọng, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

"*Cuộc đời 79 mùa Xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại.*"
(Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỉ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)
Trên cơ sở nhận định trên, hãy phân tích nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

a) Mục tiêu

HS phân tích để làm sáng tỏ nguyên nhân khiến nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh; góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm tại lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Thảo luận về nhận định và phân tích nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm thảo luận nội dung bài trình bày của mình và thống nhất các luận điểm sẽ trình bày, cử đại diện sẽ báo cáo kết quả.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có)

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS.
– *Gợi ý*: Với yêu cầu trên, HS nêu được những ý sau: Nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn

bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vì :
+ "Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại", biểu hiện:
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
+ Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kế thừa, kết tinh, phát triển và nâng cao các giá trị văn hoá dân tộc và nhân loại.
+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, hãy viết một bài luận ngắn đề xuất các giải pháp để cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh" thực sự có hiệu quả.

a) Mục tiêu

HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, biết sưu tầm thêm tư liệu từ các nguồn khác nhau về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh để đề xuất các giải pháp để cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh" thực sự có hiệu quả; từ đó, góp phần phát triển năng lực nhận thức, tư duy lịch sử cũng như năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, hãy viết một bài luận ngắn đề xuất các giải pháp để cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh" thực sự có hiệu quả.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào các kiến thức đã học trong bài, sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, viết một bài luận theo yêu cầu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– HS nộp lại bài luận cho GV vào thời gian quy định.
– GV lựa chọn HS trình bày bài luận trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của HS, chuẩn kiến thức cho HS.
– *Gợi ý:* Phong cách Hồ Chí Minh là những đặc trưng giá trị về nhân cách, phương pháp, tác phong, đạo đức và lối sống của Hồ Chí Minh, gắn liền với nhân cách trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng, lối sống bình dị của một vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Phong cách đó vừa mang tính dân tộc vừa mang tính hiện đại, vừa khoa học vừa cách mạng, vừa cao cả vừa thiết thực. Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, có giá trị khoa học và nhân văn sâu sắc, trở thành biểu tượng cao đẹp để các thế hệ người Việt Nam học tập và noi theo.

Để cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh" thực sự có hiệu quả thì chúng ta phải luôn quán triệt: "Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một

trăm bài diễn văn tuyên truyền" và "Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất".

+ Về học tập:

Cần tiếp tục quán triệt, giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đồng thời xác định rõ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là công việc và trách nhiệm của mình.

Phát huy việc sưu tầm, kể chuyện về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, qua đó liên hệ đưa ra những nội dung thiết thực nhất để thảo luận, trao đổi.

Rèn luyện và tu dưỡng đạo đức hằng ngày từ những việc làm nhỏ nhất.

+ Về làm theo:

Tự xây dựng kế hoạch làm theo cụ thể, thực hiện nghiêm túc và thực chất.

Thường xuyên bồi dưỡng phong cách sinh hoạt giản dị, thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh.